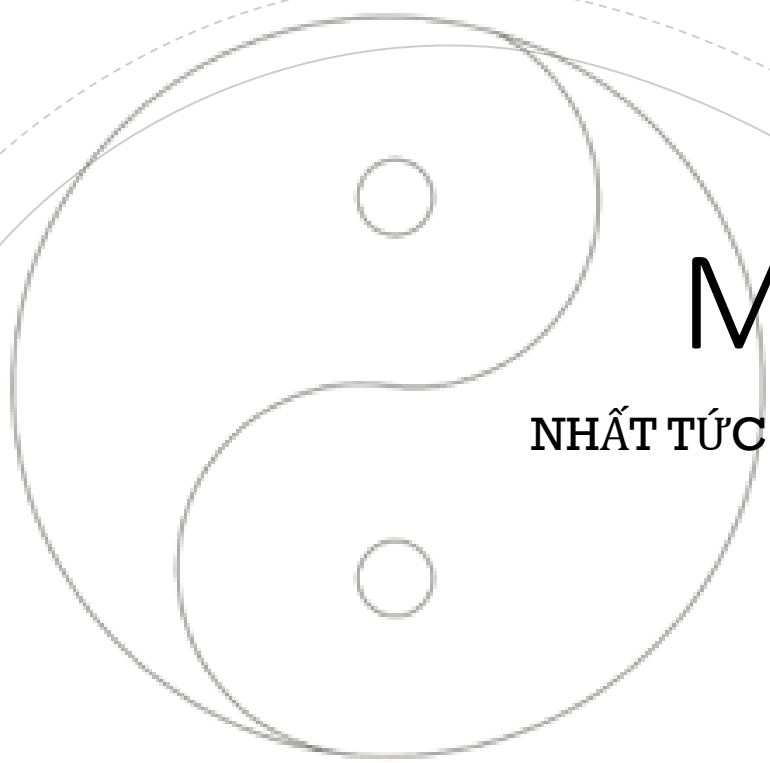




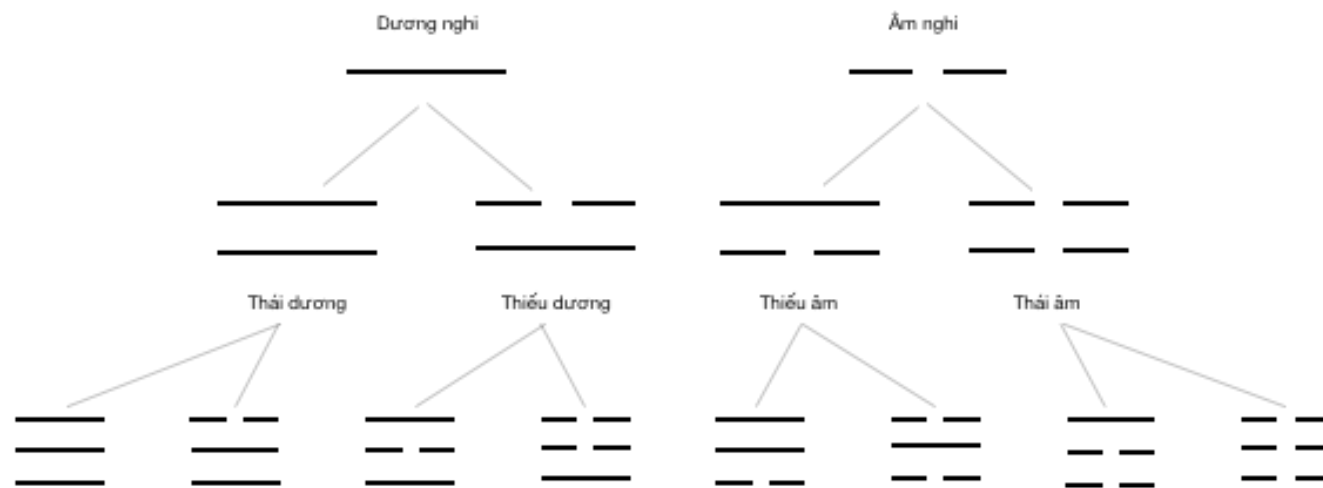
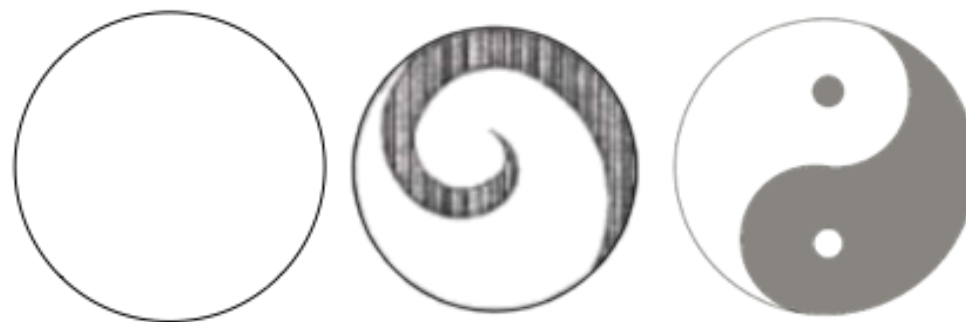
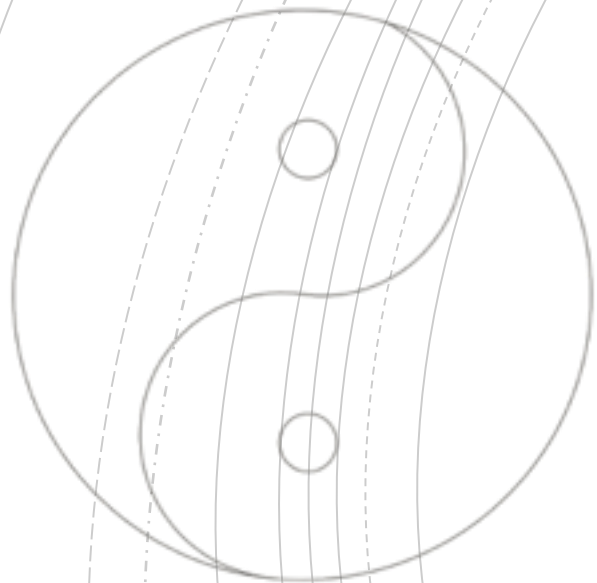
Jan'slenmen

Trí tuệ có nghĩa là tự do tối thượng bên trong ta

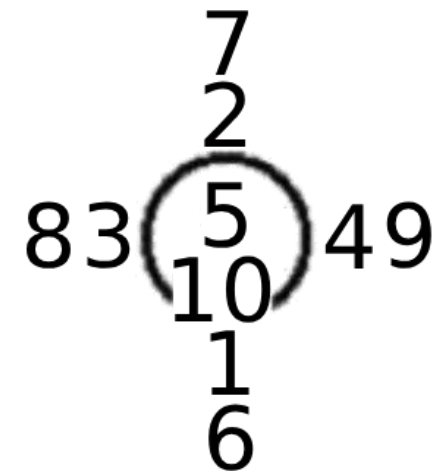
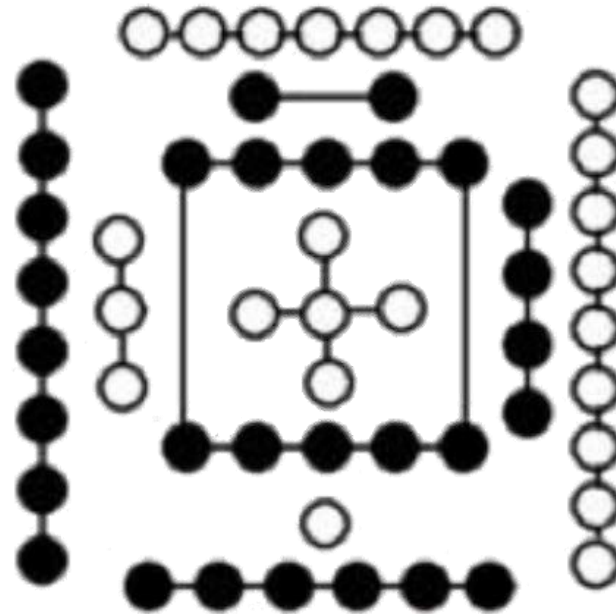


MẠCH LÝ

NHẤT TỨC TỨ CHÍ CHI BÌNH MẠCH

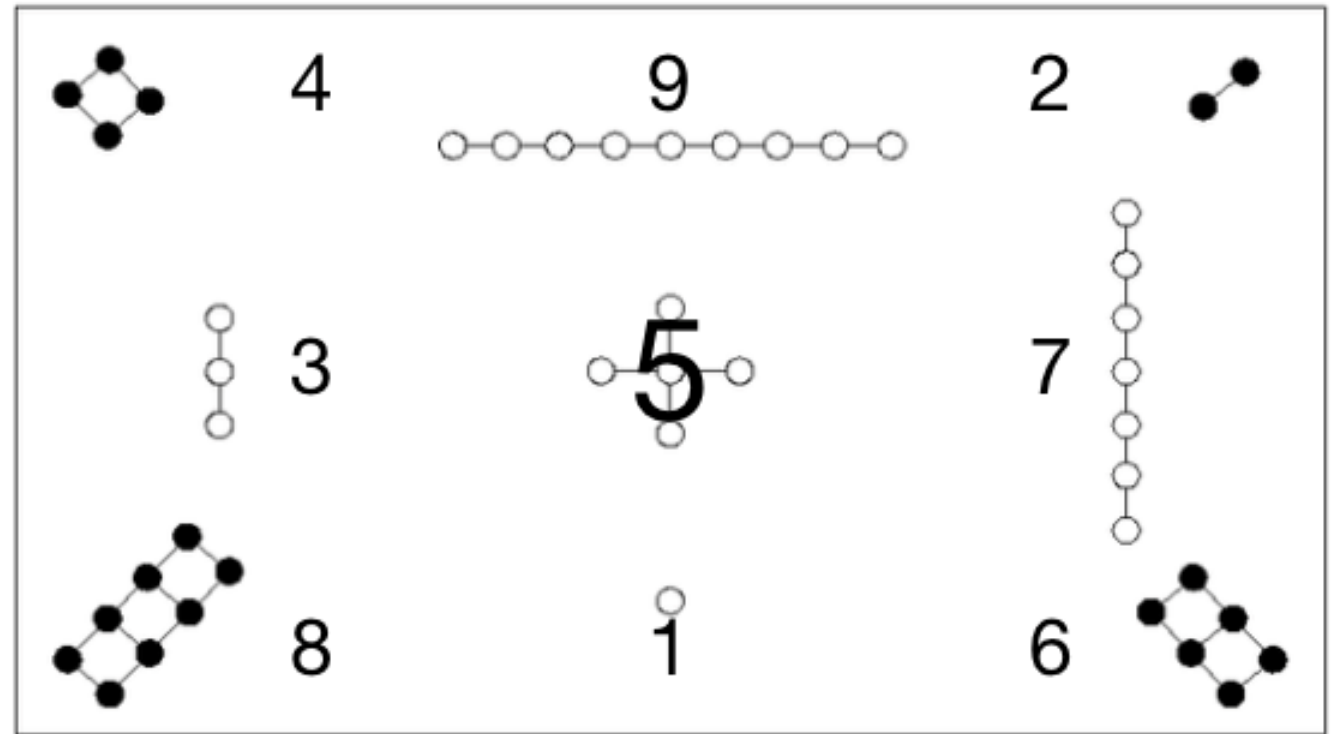


Vua Phục Hy
(4477 – 4363 TCN) thấy con
long mã xuất hiện trên sông Hà,
trên lưng có 55 khoáy đen trắng
như một bức hoạ đồ. Nhà vua
vẽ lại thành bức đồ – Hà Đồ.



Thiên nhất sinh **Thủy** – Địa lục thành chi
Địa nhị sinh **Hoả** – Thiên thất thành chi
Thiên tam sinh **Mộc** – Địa bát thành chi
Địa tứ sinh **Kim** – Thiên cửu thành chi
Thiên ngũ sinh **Thổ** – Địa thập thành chi

Lạc Thư là thông điệp mà trời đất gửi tới trên lưng một con rùa. Hiện tượng này được vua Hạ Vũ (2205 – 2167 TCN) nhân đi trị thủy ở sông Lạc nhìn thấy. Cũng giống như Phục Hy, nhà vua chép lại và giải thích rằng “Lạc Thư lấy tượng của rùa nên số của nó thì trên đầu đội số 9, dưới chân đạp số 1, sườn trái mang số 3, hông phải mang số 7, vai mang số 2 và số 4, chân đi số 6 và số 8, nằm giữa bụng là số 5 (ngũ trung)”



NGƯỜI XƯA DÙNG
SỐ SINH & SỐ THÀNH CỦA HÀ
ĐỒ ĐỂ ĐỊNH RA 10 THIÊN CAN

SỐ LẺ & SỐ CHẴN CỦA LẠC
THƯ ĐỂ ĐỊNH RA 12 ĐỊA CHI

Ty Sagittarius (Nhân Mã) Lửa - Mộc tinh	Ngo Capricorn (Ma Kết) Đất - Thổ tinh	Mùi Aquarius (Bảo Bình) Khí - Thiên vương	Thân Pisces (Song Ngư) Nước - Hải vương
Thìn MẬU		KỶ	Thân Aries (Bạch Dương) Lửa - Hoả tinh
Mão			Dậu TÂN Taurus (Kim Ngưu) Đất - Kim tinh
ẤT Scorpio (Bọ Cạp) Nước - Hoả tinh & Diêm vương tinh			Tuất MẬU Gemini (Song Tử) Khí - Thủy tinh
Dần GIÁP Libra (Thiên Bình) Khí - Kim tinh	Sửu KỶ	Tý NHÂM	Hợi QUÝ Cancer (Cự Giải) Nước - Mặt trăng

THIÊN CAN LÀ:

• ĐẠI DIỆN CHO ÂM – DƯƠNG & NGŨ HÀNH

ĐỊA CHI LÀ:

• BIỂU THỊ SỰ VƯỢNG SUY CỦA ÂM – DƯƠNG

• BIỂU THỊ SỰ BIẾN HOÁ CỦA NGŨ HÀNH

NGƯỜI XƯA DÙNG
SỐ SINH & SỐ THÀNH CỦA HÀ
ĐỒ ĐỂ ĐỊNH RA 10 THIÊN CAN

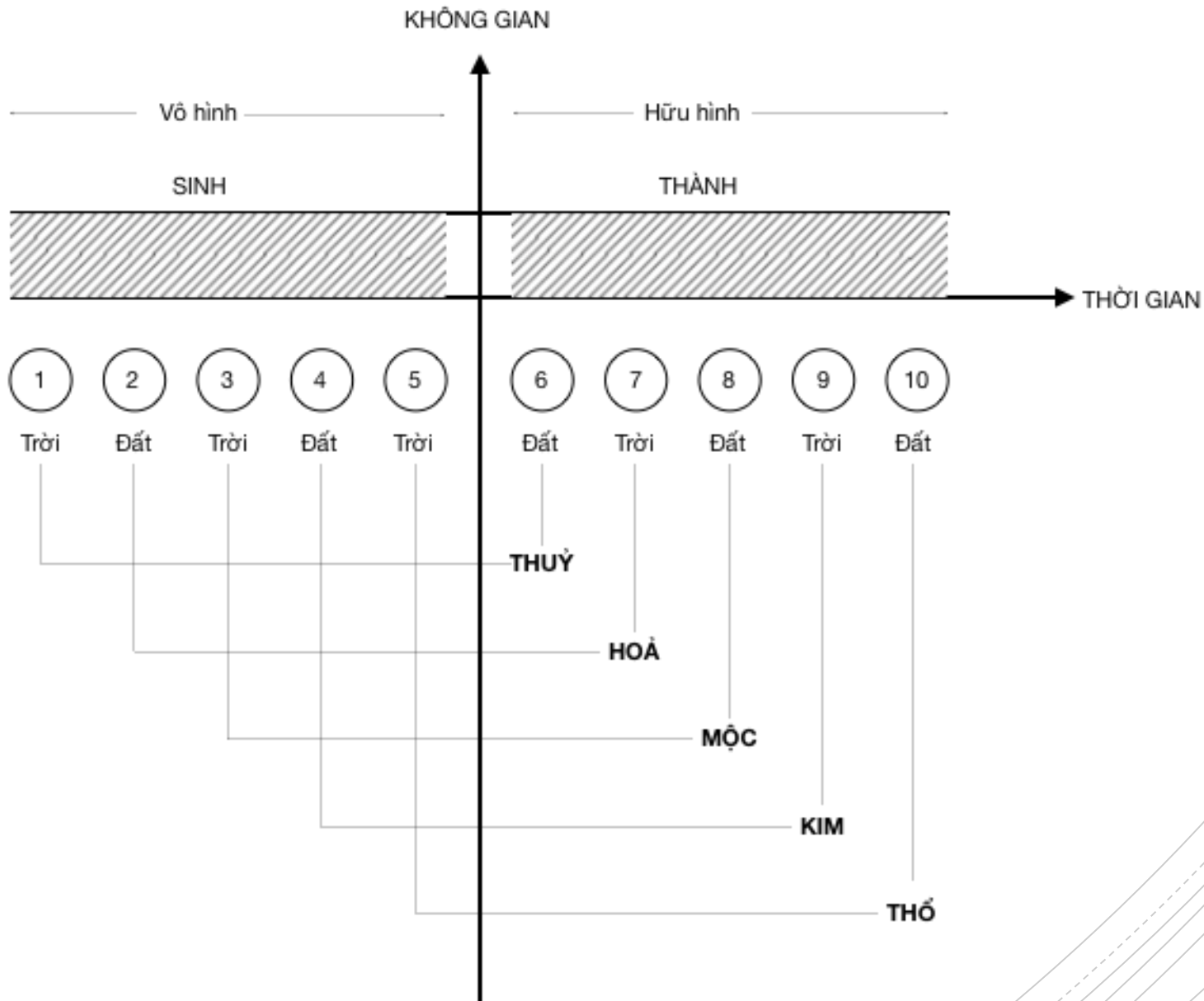
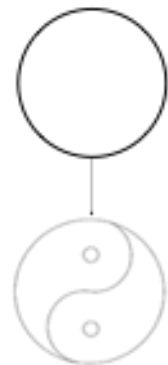
SỐ LẺ & SỐ CHẴN CỦA LẠC
THƯ ĐỂ ĐỊNH RA 12 ĐỊA CHI

Ty Sagittarius (Nhân Mã) Lửa - Mộc tinh	Ngo Capricorn (Ma Kết) Đất - Thổ tinh	Mùi Aquarius (Bảo Bình) Khí - Thiên vương	Thân Aries (Bạch Dương) Lửa - Hoả tinh
Thìn MẬU		KỶ Pisces (Song Ngư) Nước - Hải vương	Dậu TÂN Taurus (Kim Ngưu) Đất - Kim tinh
Mão Scorpio (Bọ Cạp) Nước - Hoả tinh & Diêm vương tinh			Tuất MẬU Gemini (Song Tử) Khí - Thủy tinh
Dần GIÁP Libra (Thiên Bình) Khí - Kim tinh	Sửu KỶ	Tý NHÂM	Hợi QUÝ

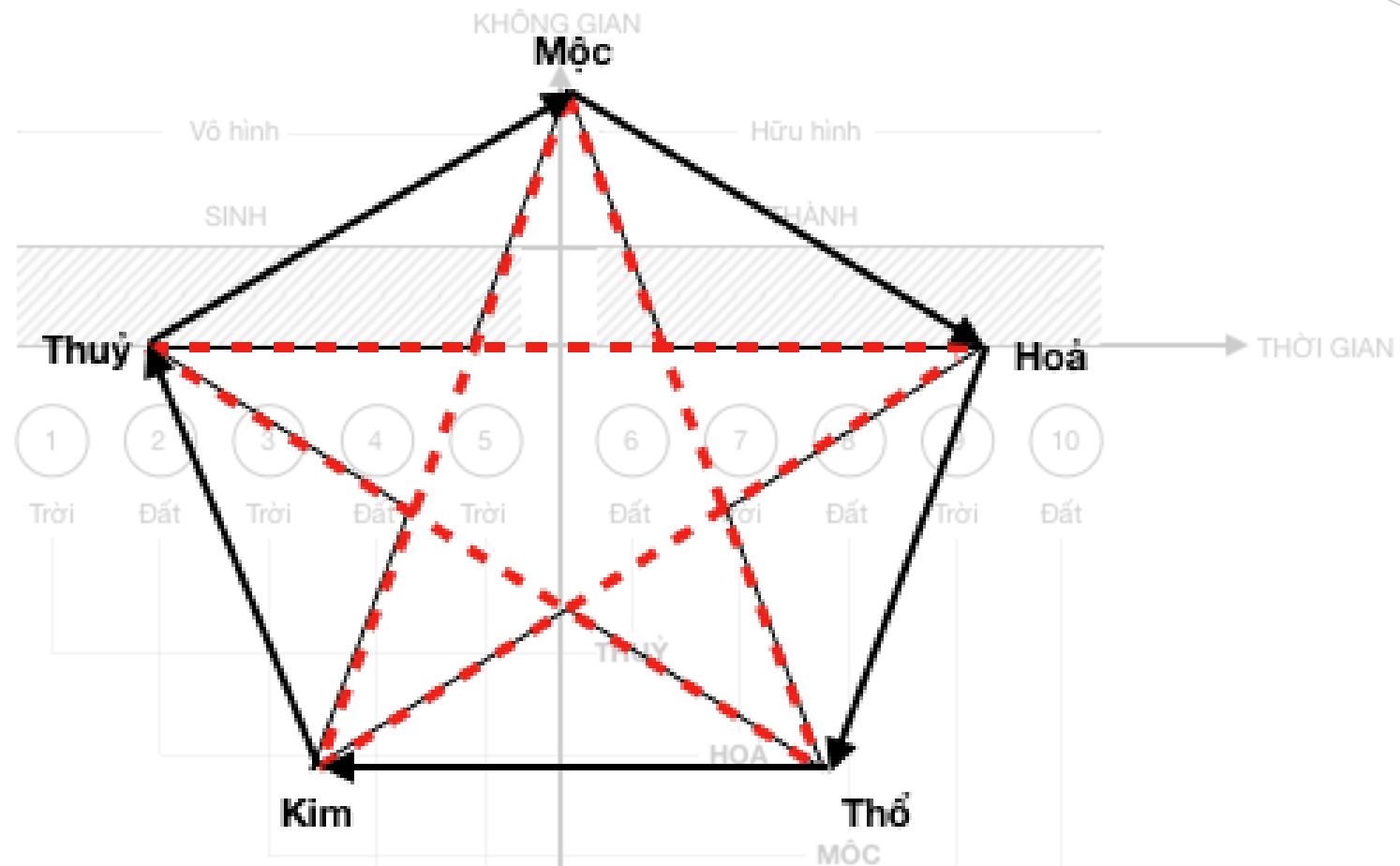
12 NHÂN DUYÊN

Trường sinh – Mộc dục – Quan đới – Lâm quan – Đế vượng – Suy – Bệnh – Tử - Mộ – Tuyệt – Thai – Dưỡng

ĐẤT SINH NGŨ HÀNH



NGŨ HÀNH (tính chất)



Hành Mộc gọi là Phu Hoà, vì phân bố khí ôn hoà làm vạn vật nảy sinh tươi tốt
Hành Hoả gọi là Thăng Minh, có nghĩa bùng sáng, có khí thịnh trưởng làm vạn vật phát triển
Hành Thổ gọi là Bị Hoá, vì nó đầy đủ khí hoá sinh vạn vật, làm vạn vật đầy đủ hình thể.
Hành Kim gọi là Thẩm Bình, vì nó phát ra khí yên tĩnh, hoà bình, làm cho vạn vật kết quả.
Hành Thuỷ gọi là Tĩnh Thuận, vì có khí tĩnh mà nhu thuận làm cho vạn vật được bế tàng, gìn giữ

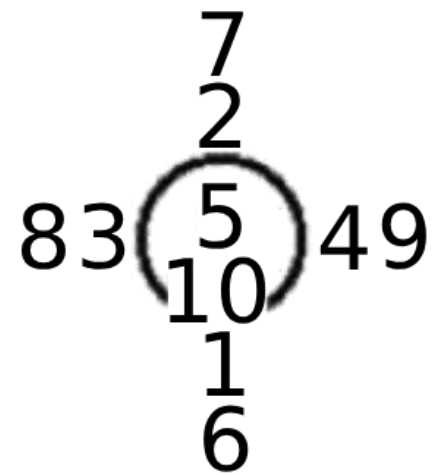
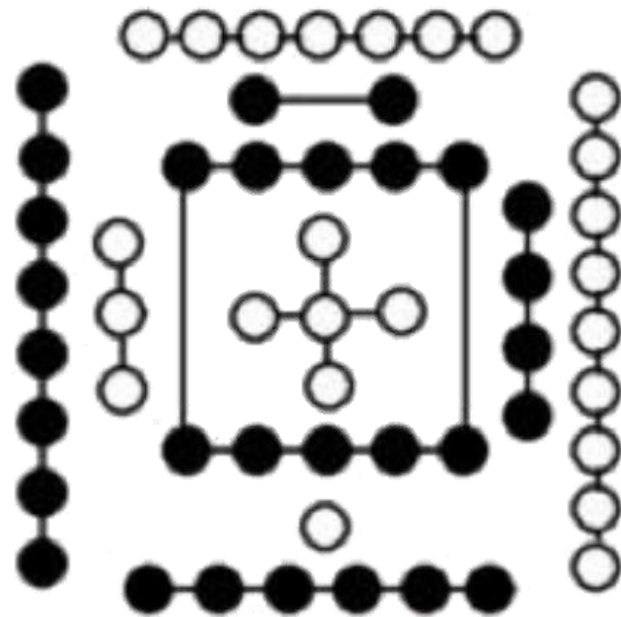
NGŨ HÀNH (tính chất)

- ✓ Hành **Mộc** bất cập gọi là Uỷ Hoà, nghĩa là thiếu khí ôn hoà sẽ làm cho vạn vật rũ rượi, không phần chấn.
- ✓ Hành **Hoả** bất cập gọi là Phục Minh, nghĩa là thiếu khí ấm áp làm cho vạn vật ẩm đạm, không sáng.
- ✓ Hành **Thổ** bất cập gọi là Ty Giám, nghĩa là không có khí hoá sinh, sẽ làm vạn vật yếu ớt, không có sức.
- ✓ Hành **Kim** bất cập gọi là Tòng Cách, nghĩa là không có khí thu liễm, làm cho vạn vật trở nên mềm giãn, không có sức đàn hồi.
- ✓ Hành **Thủy** bất cập gọi là Hạc Lưu, nghĩa là không có khí phong tàng giấu kín, làm cho vạn vật khô queo.

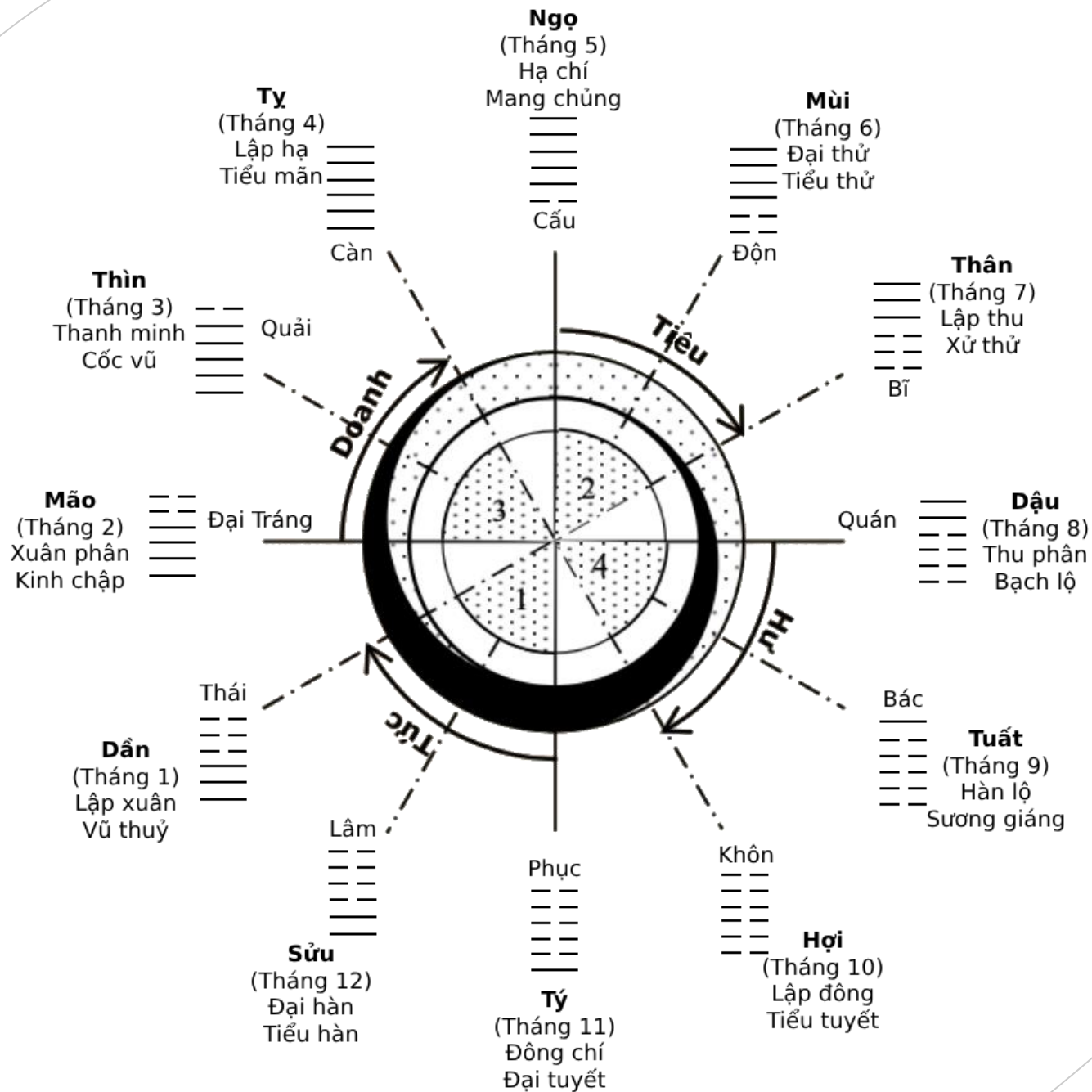
NGŨ HÀNH (tính chất)

- ✓ Hành **Mộc** thái quá gọi là Phát Sinh, do sự khuếch tán khí ôn hoà quá sớm mà làm cho vạn vật phát dục sớm.
- ✓ Hành **Hoả** thái quá gọi là Hách Hy, do khuếch tán hoả khí mãnh liệt mà làm cho vạn vật nóng chảy chẳng yên.
- ✓ Hành **Thổ** thái quá gọi là Đơn Phụ, do có khí nồng hậu rắn chắc, làm cho vạn vật không thể thành hình.
- ✓ Hành **Kim** thái quá gọi là Kiên Thành, do có khí cứng cõi làm cho vạn vật ngay thẳng, không có sức nhu nhuyễn.
- ✓ Hành **Thủy** thái quá gọi là Lưu Diễn, do có khí đầy tràn làm cho vạn vật phiêu lưu không thể về chỗ.

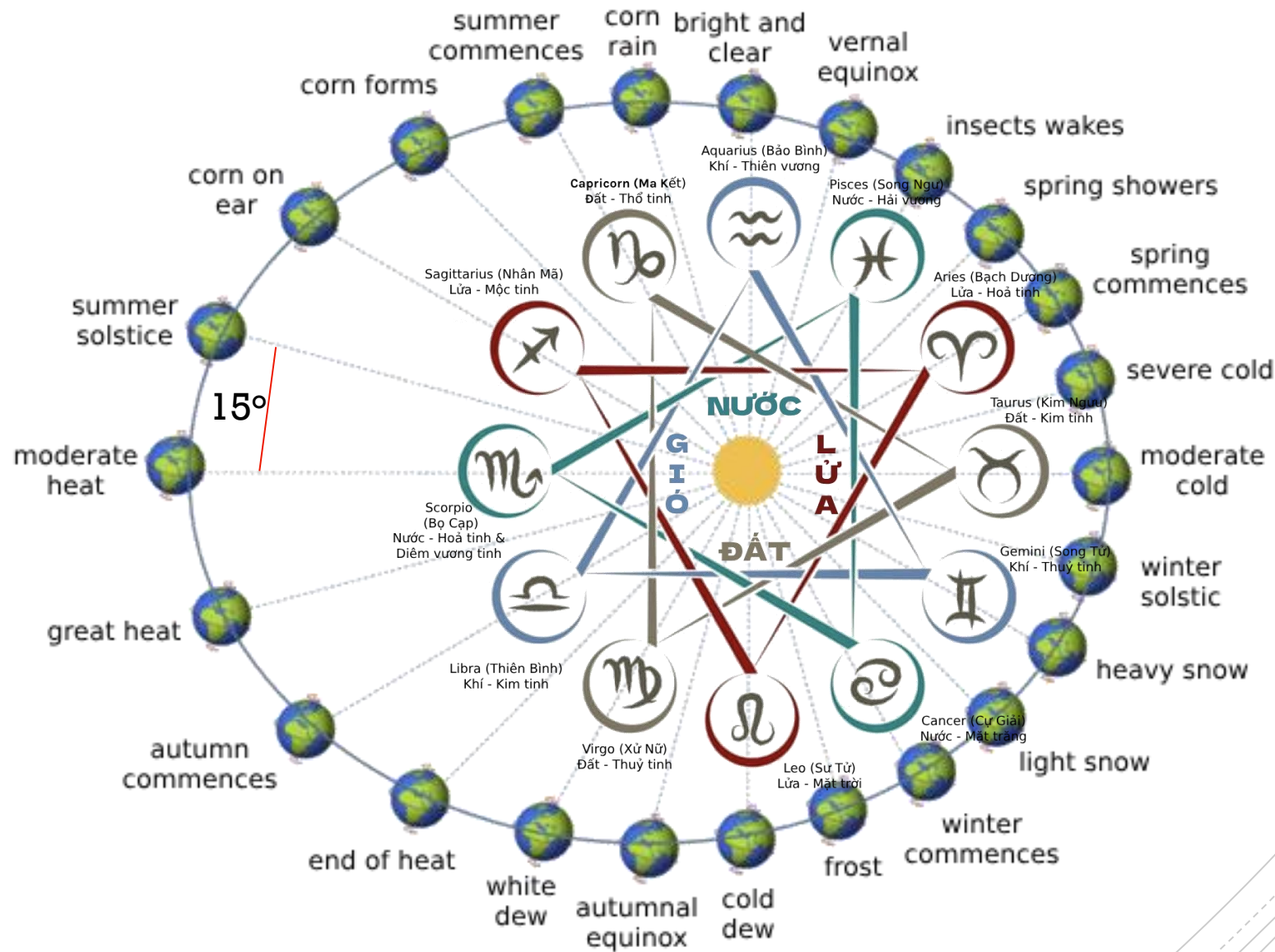
TRỜI SINH
LỤC KHÍ



24 tiết khí



THỜI GIAN ĐỘ DÀI – NGẮN 24 TIẾT KHÍ



The elliptical Earth's orbit and positions of 24 solar terms

NGŨ HÀNH

Mộc – Hoả – Thổ – Kim – Thủy

Ty - Hoả	Ngo + Hoả	Mùi - Thổ	Thân + Kim
Thìn + Thổ			Dậu - Kim
Mão - Mộc			Tuất + Thổ
Dần + Mộc	Sửu - Mộc	Tý + Thủy	Hợi - Thủy

LỤC KHÍ

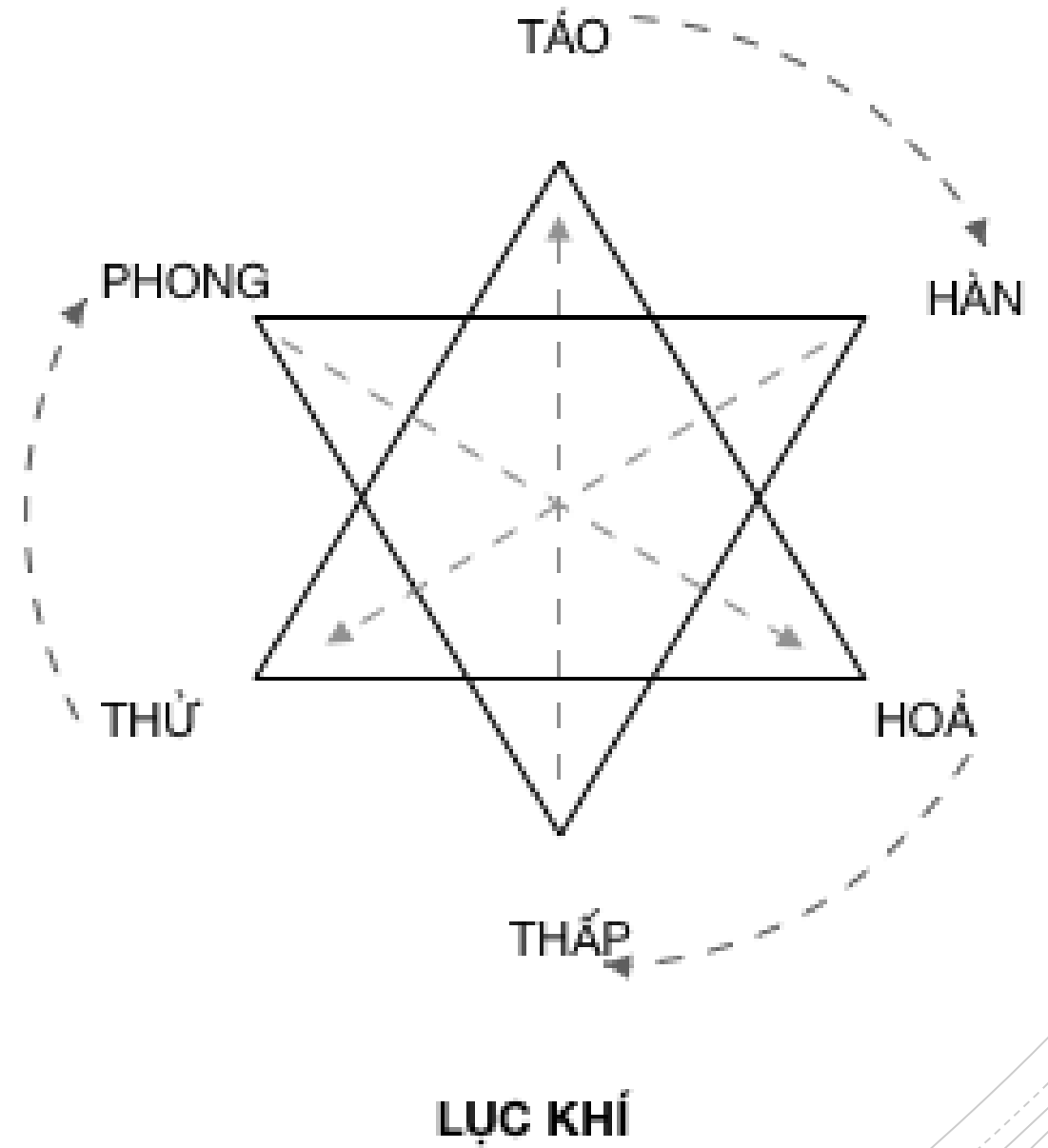
Phong – Hàn – Thấp – Thử – Táo – Hoả

Tỵ - Hoả	Ngo + Hoả	Mùi - Thổ	Thân + Kim
Thìn + Thử			Dậu - Kim
Mão - Mộc			Tuất + Thổ
Dần + Mộc	Sửu - Thử	Tý + Thủy	Hợi - Thủy

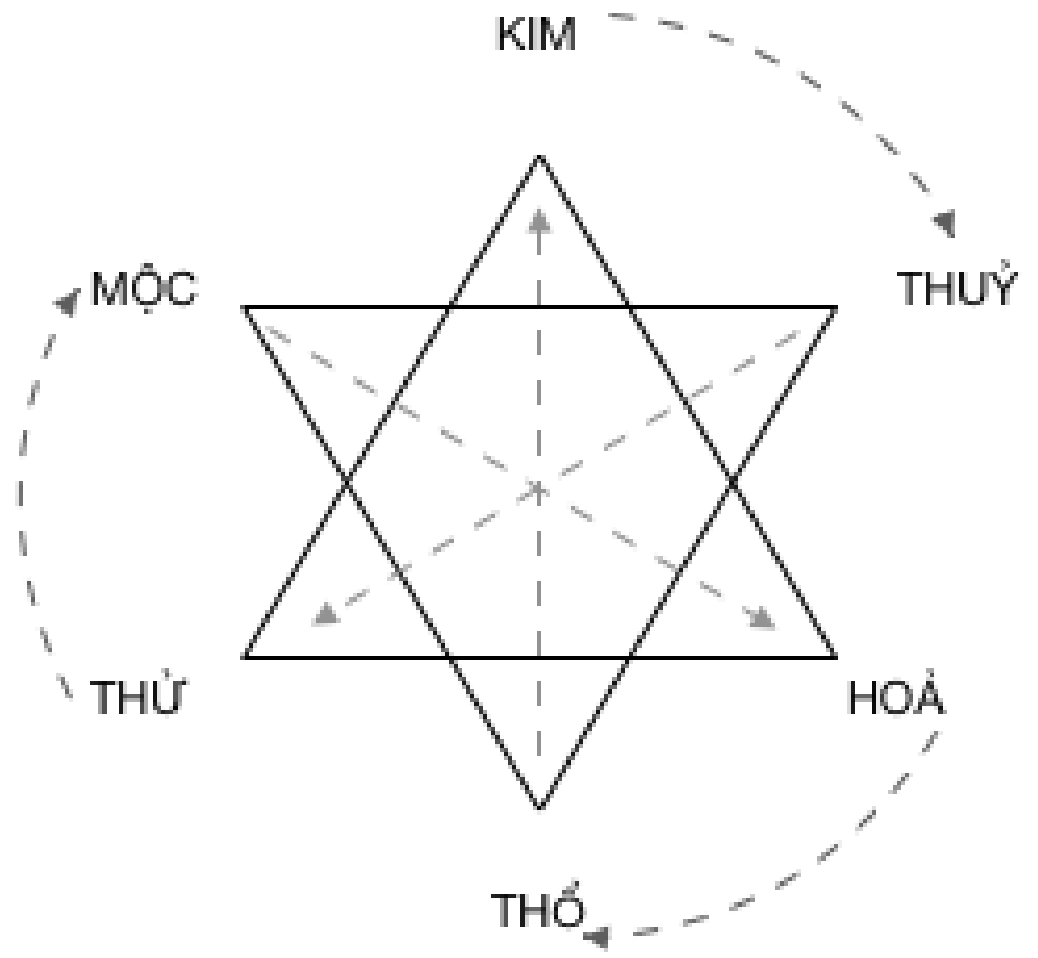
LỤC KINH



TRỜI SINH
LỤC KHÍ

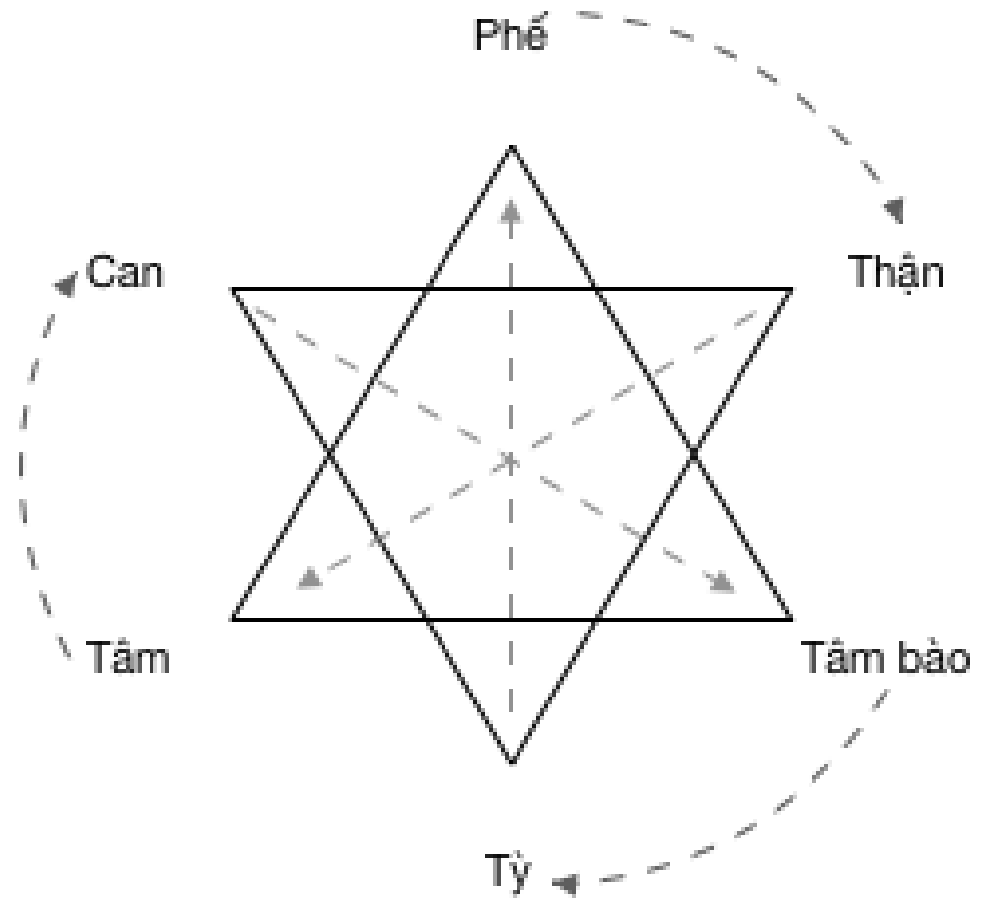


ĐẤT ỨNG
LỤC HÀNH



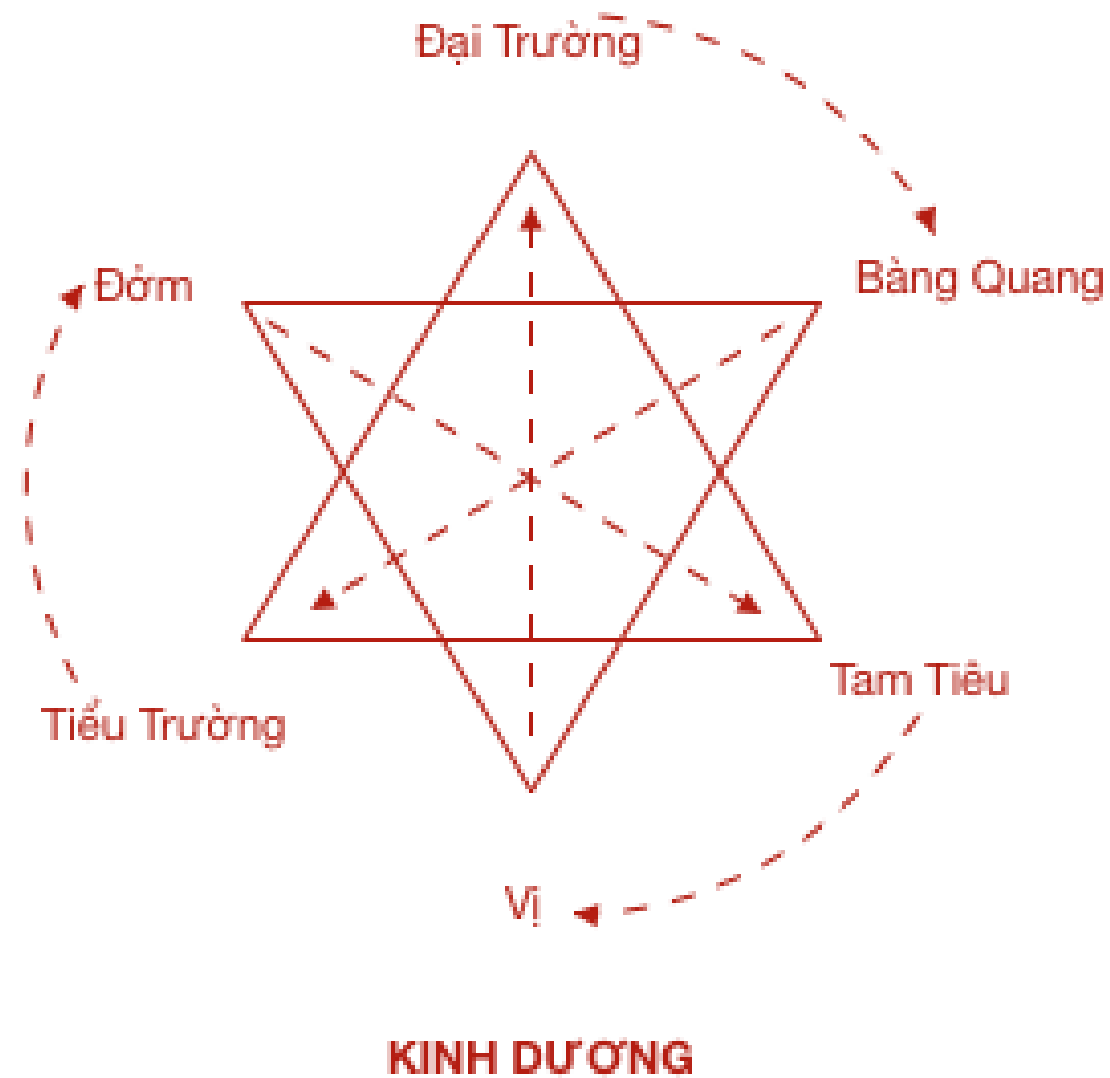
LỤC HÀNH

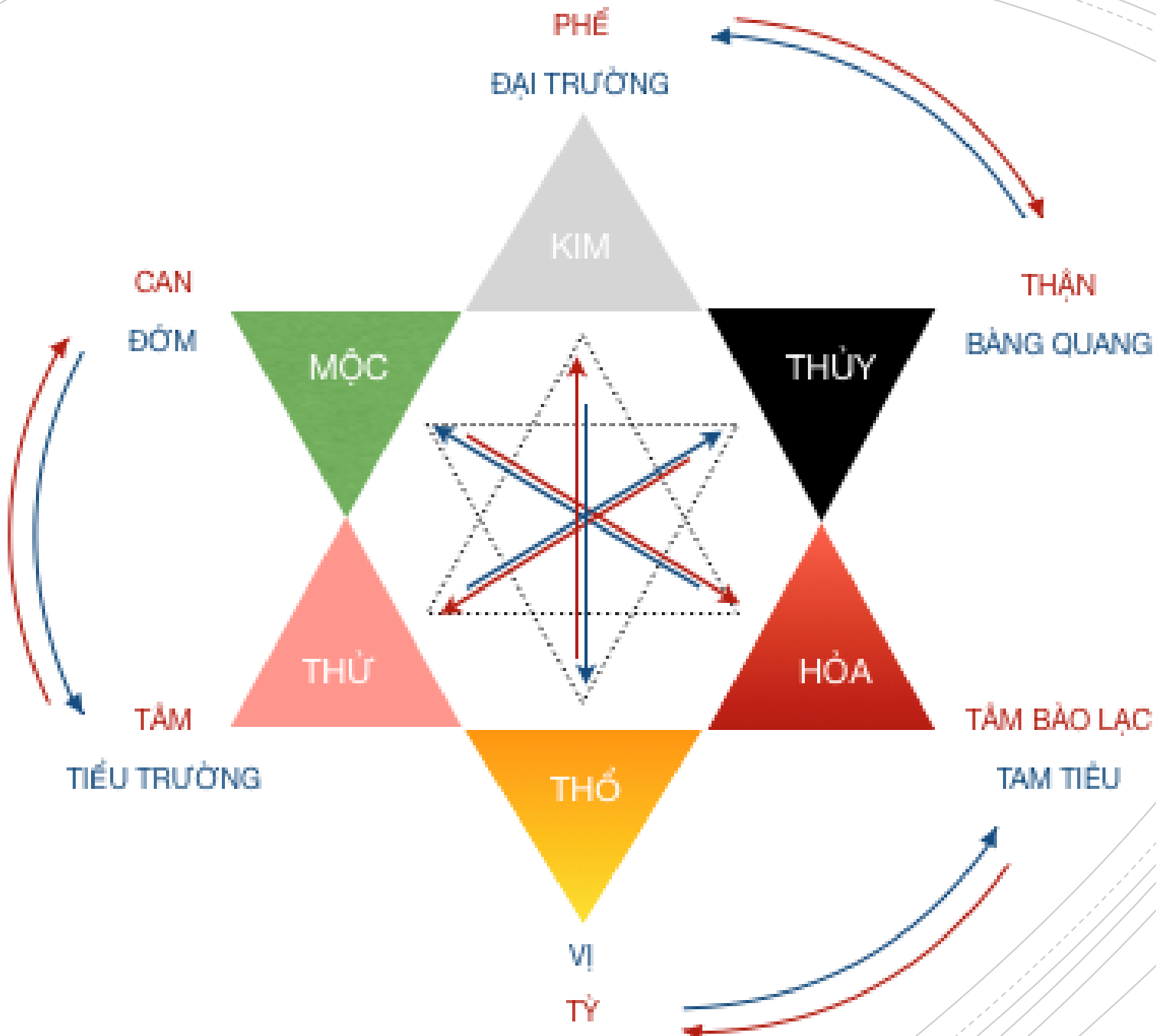
NGƯỜI CÓ LỤC KINH



KINH ÂM

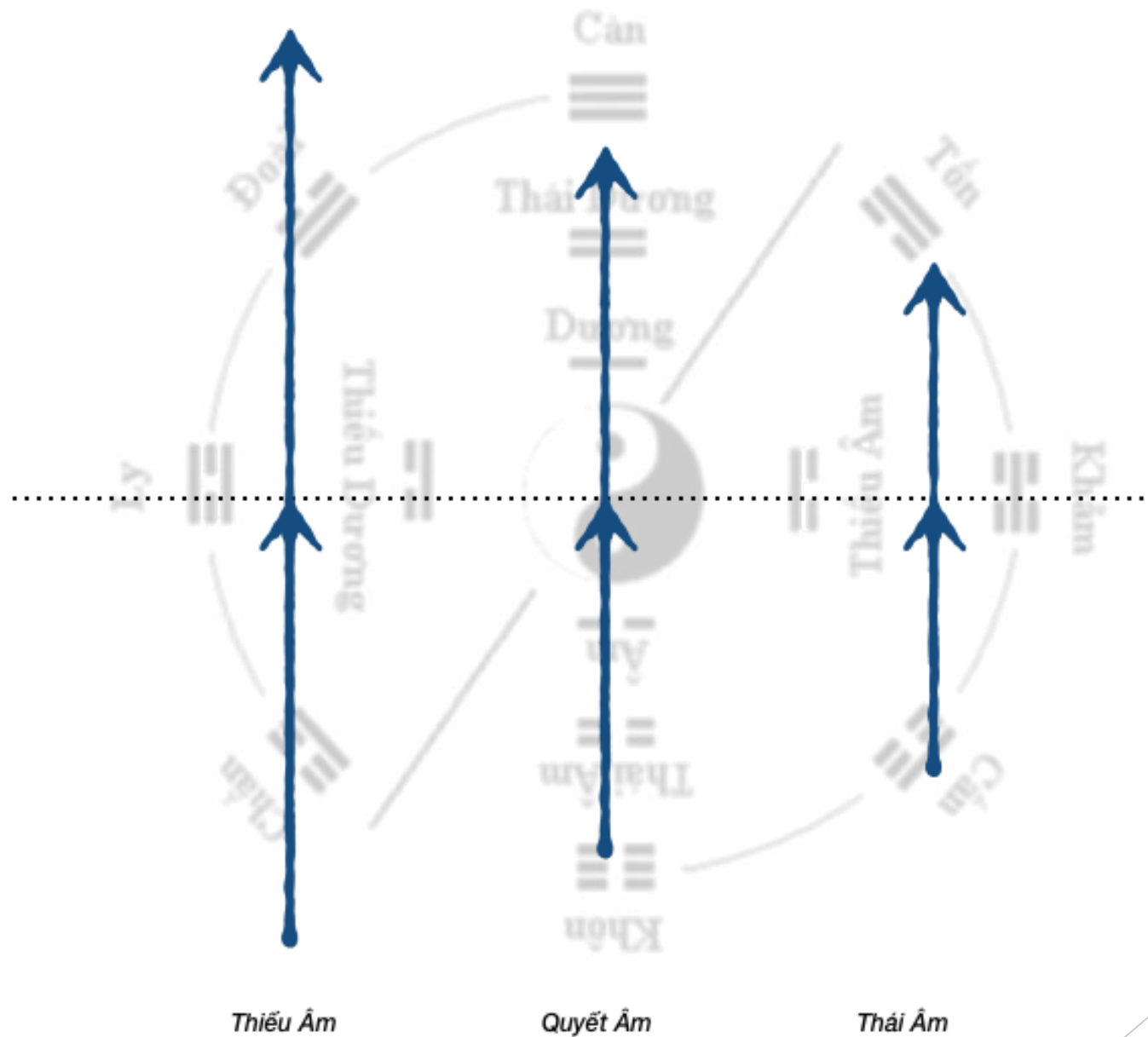
NGƯỜI CÓ LỤC KINH





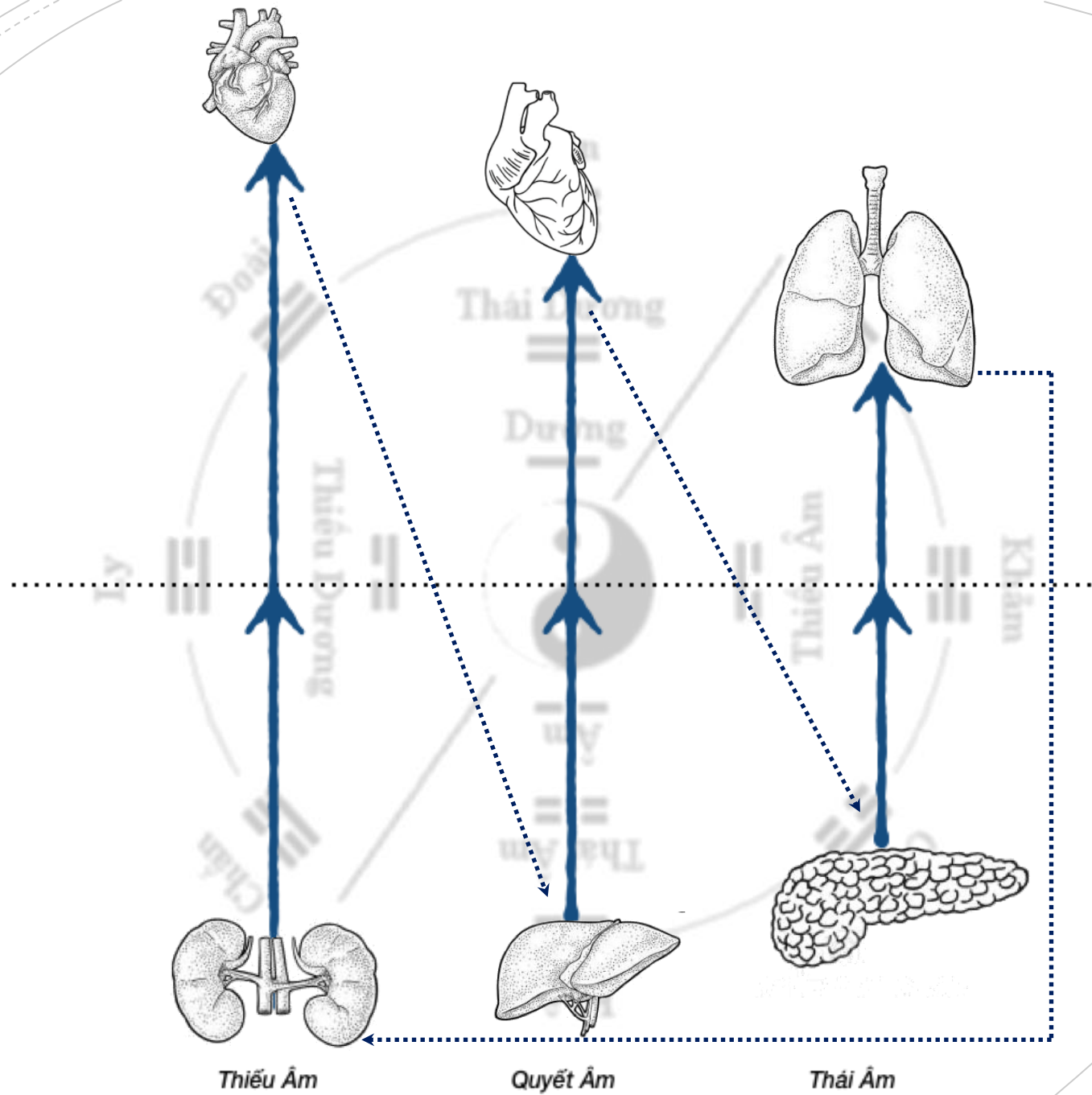
LỤC KINH

KINH ÂM



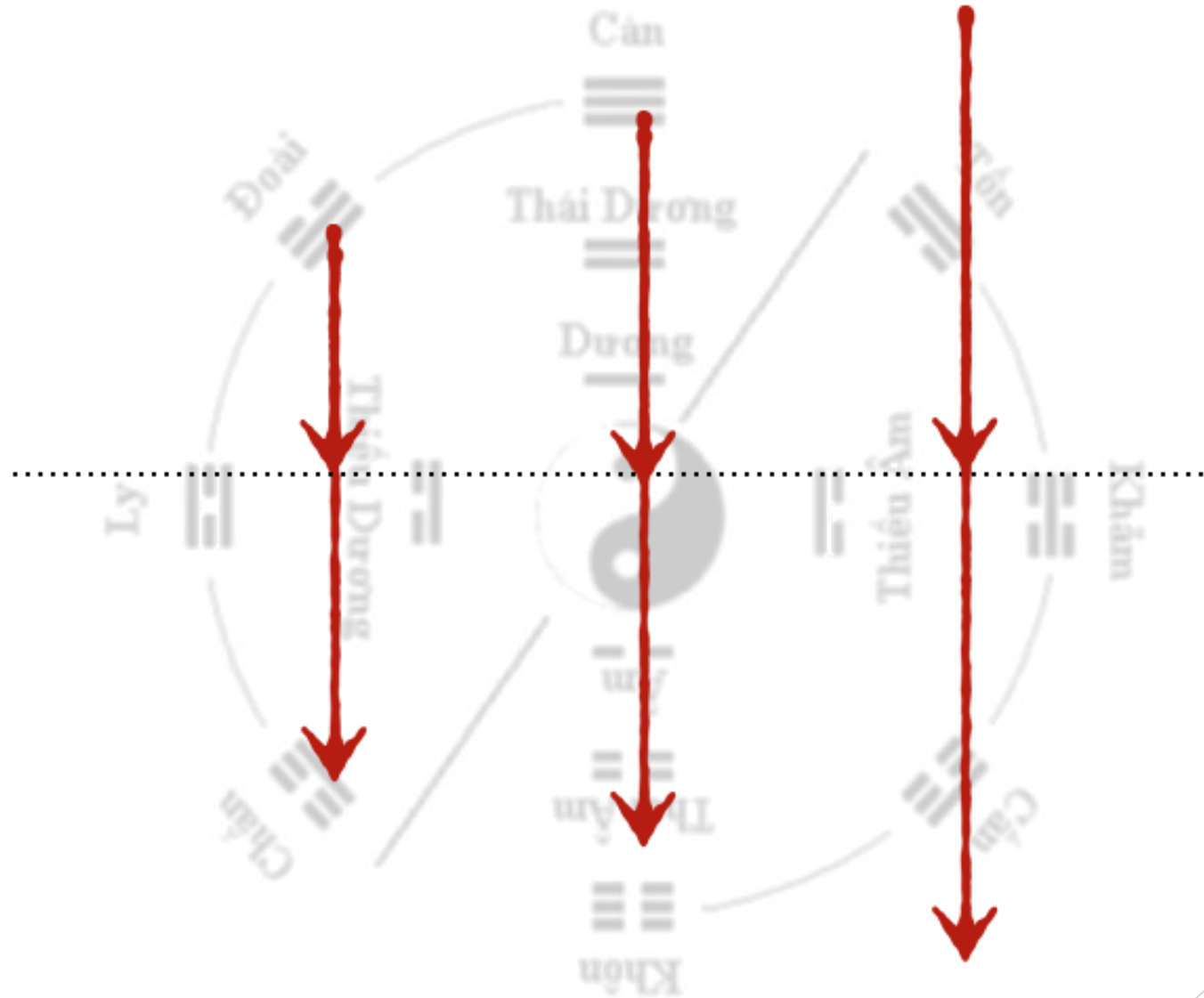
LỤC KINH

KINH ÂM



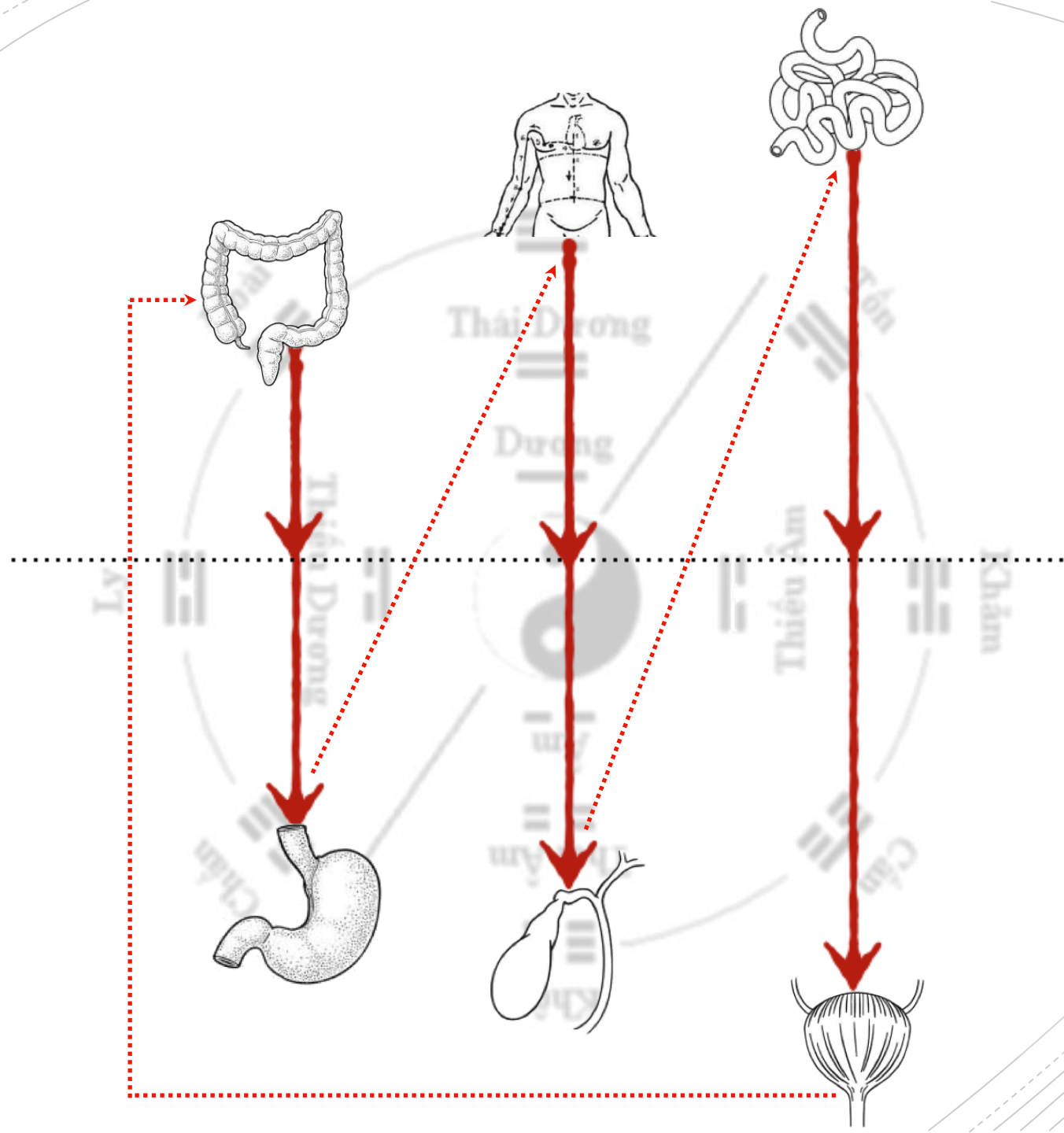
LỤC KINH

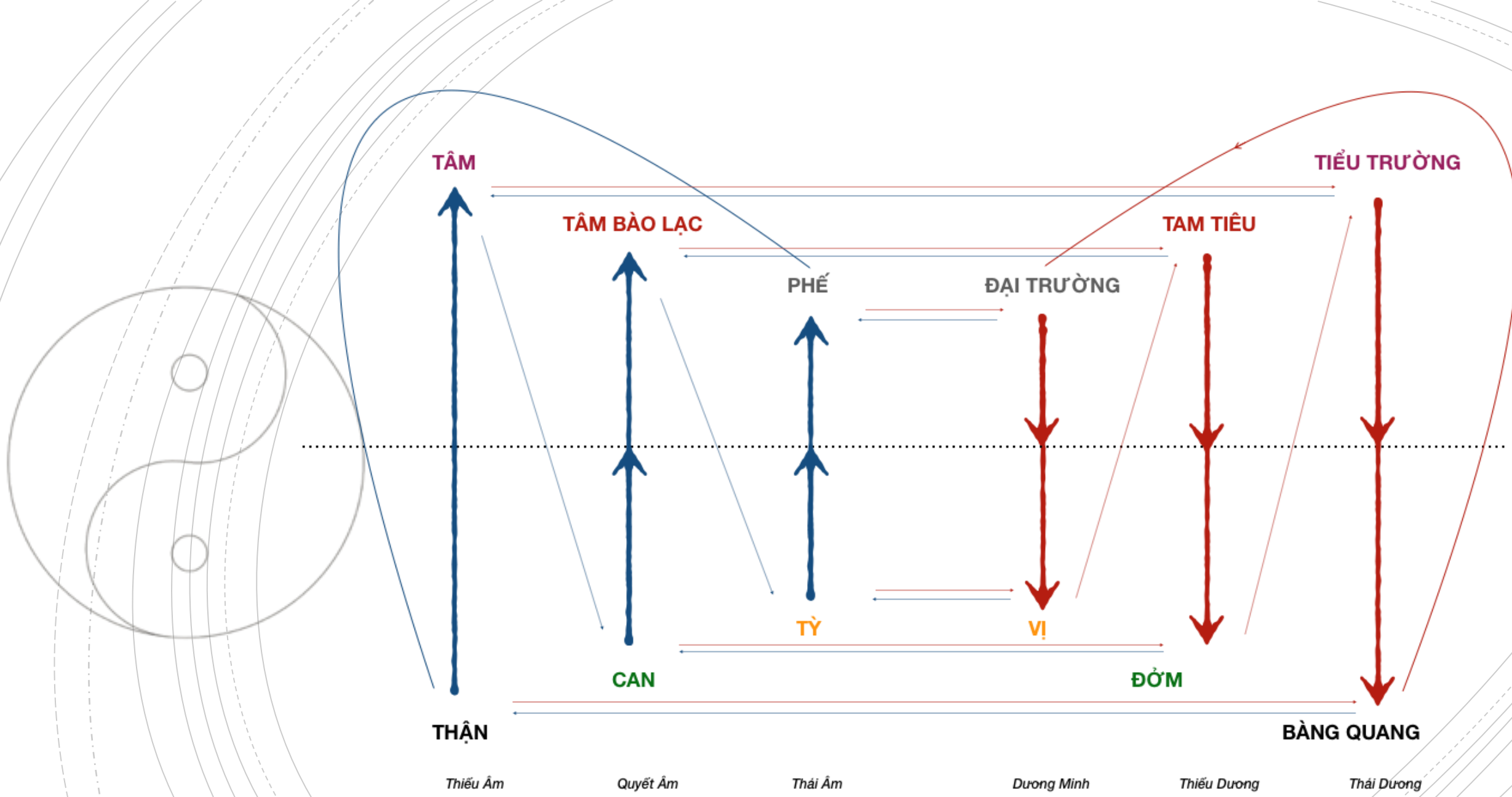
KINH DƯƠNG



LỤC KINH

KINH DƯƠNG

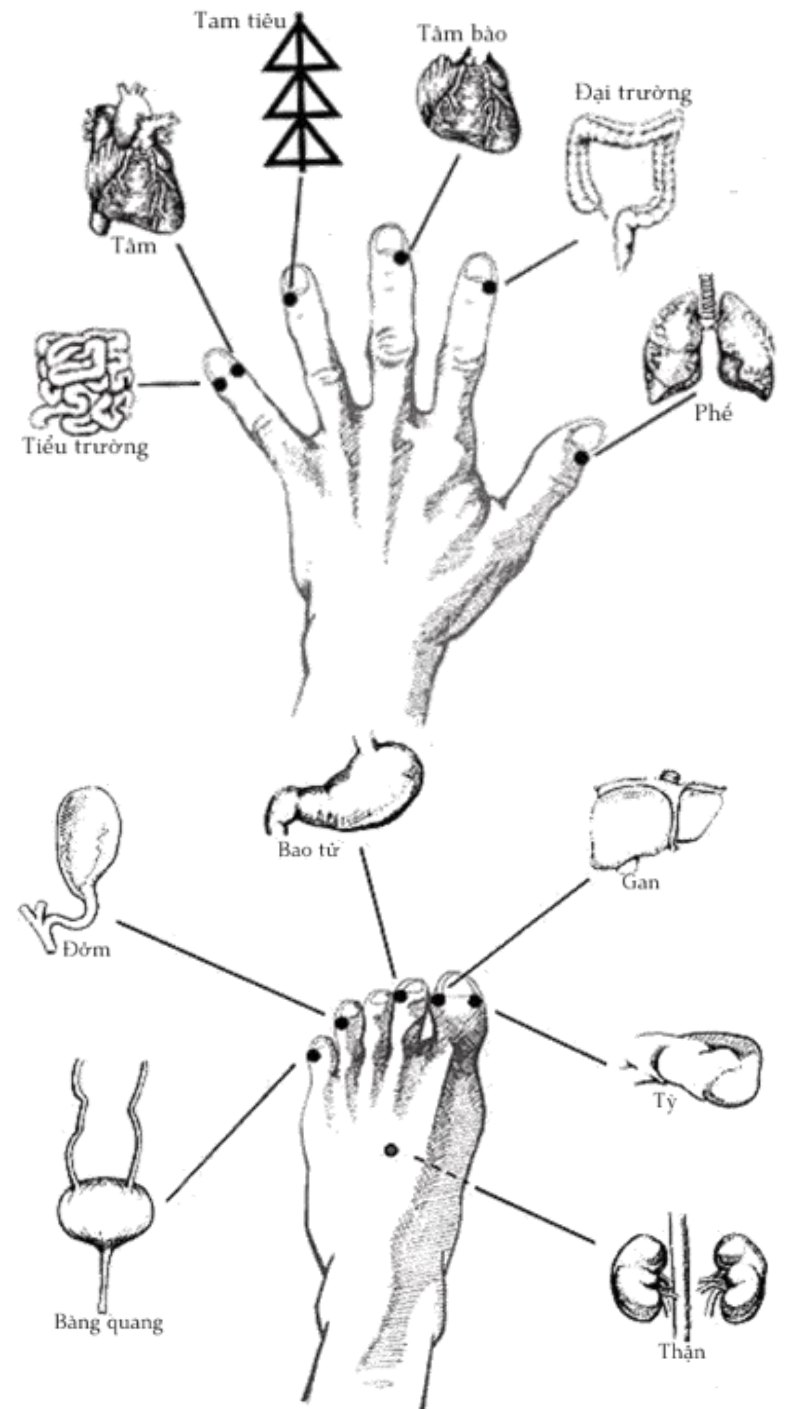




VẬN HÀNH CỦA 12 CHÍNH KINH

Phế cái, đại trở, bào lạc trung
Áp tam, tâm út – tiểu trường đồng

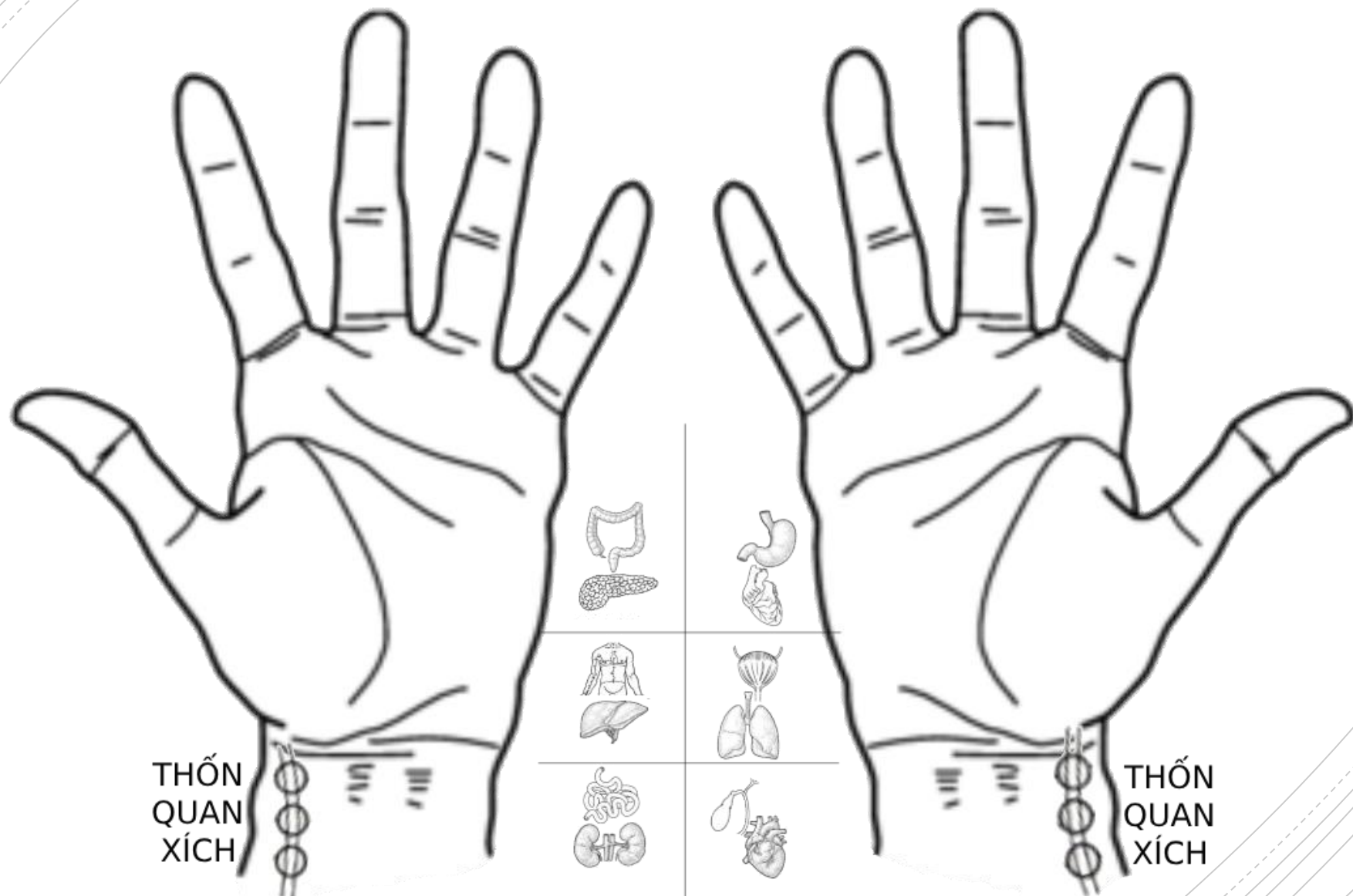
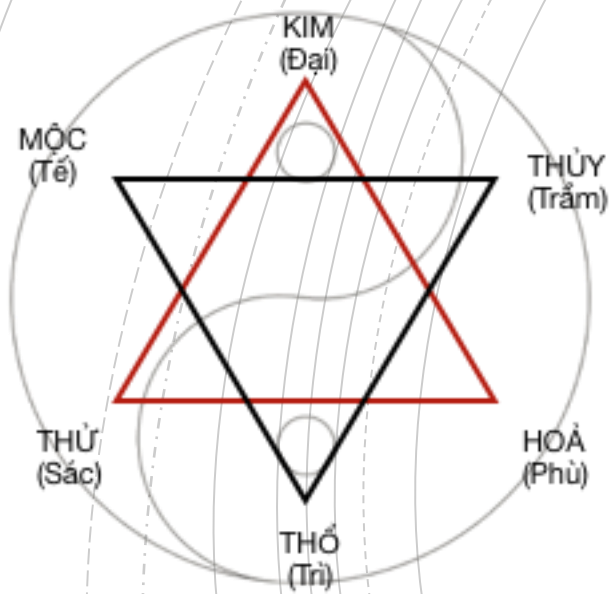
Út bàng, áp đờm, trung bàn thận
Trở vị, can – tỳ ngón cái đồng

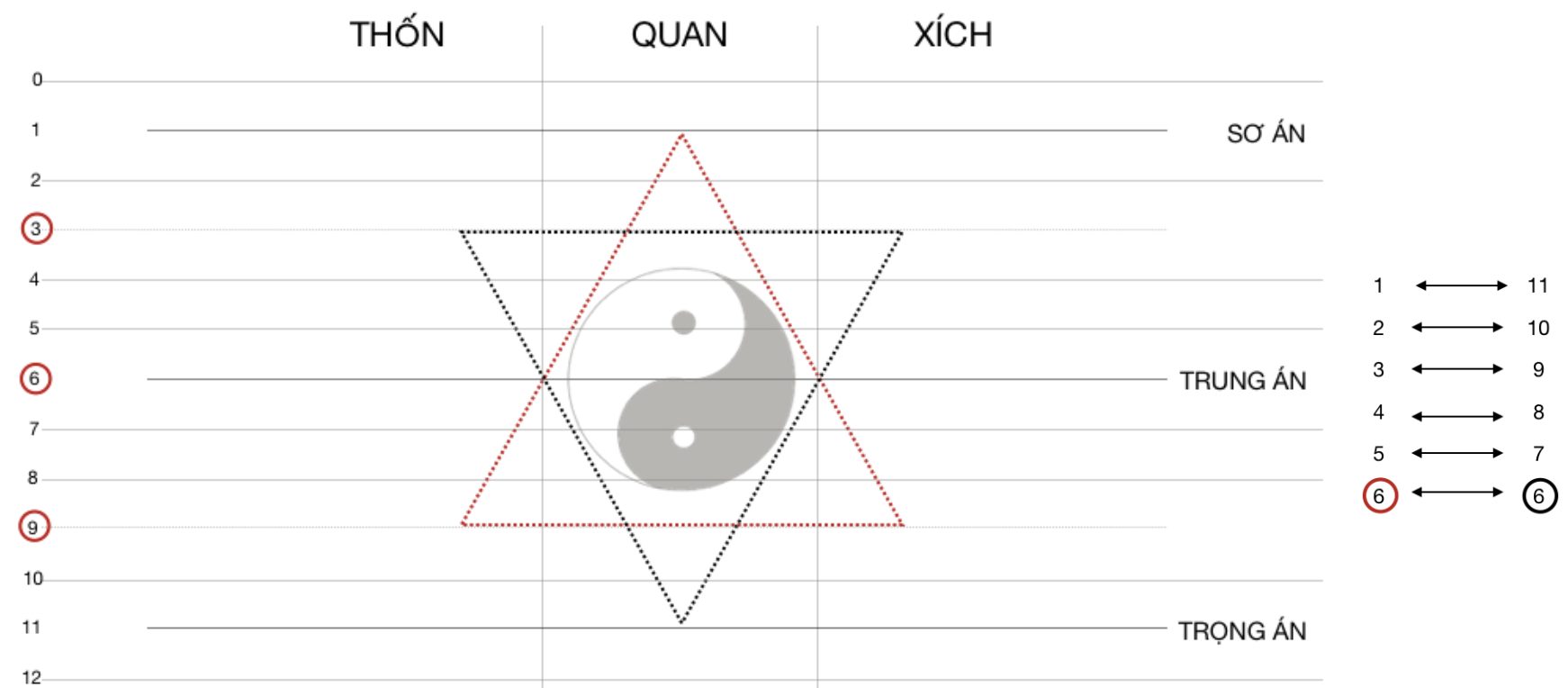
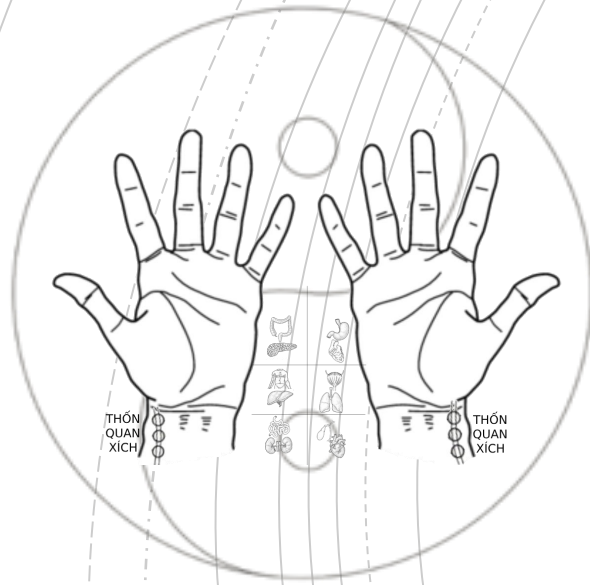




NGUYÊN TẮC CHẨN BỆNH

BẤT CƯƠNG		TỨ CHẨN	BẤT PHÁP	
ÂM	DƯƠNG	VỌNG	HÃN	ÔN
LÝ	BIỂU	VĂN	THỔ	LƯƠNG
HÀN	NHIỆT	VẤN	HẠ	TIÊU
HƯ	THỰC	THIỆT	HOÀ	BỔ





SYS
 Min - 6
 Mid = 3
 Max + 9

DIA
 Min - 6
 Mid = 3
 Max + 9

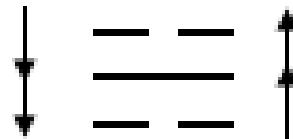
Pulse
 Min - 2
 Mid = 1 { 60 / 15 = 4 }
 Max + 3

NGUYÊN TẮC CHẨN BỆNH

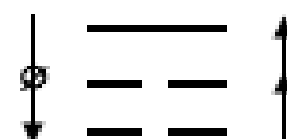
Mạch bình
Khí & Huyết đi nhanh



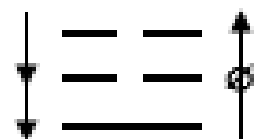
Mạch bình
Khí & Huyết đi đều



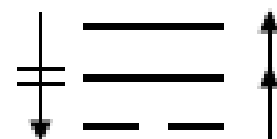
Mạch bệnh
Huyết lên nhanh, Khí mất



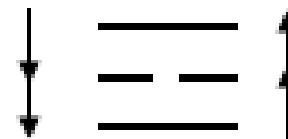
Mạch bệnh
Khí xuống nhanh, Huyết mất



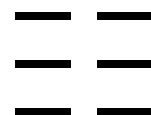
Mạch bệnh
Huyết lên nhanh hơn Khí



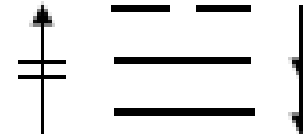
Mạch bệnh
Khí & Huyết không giao tiếp



Mạch bệnh
Huyết & Khí đều mất



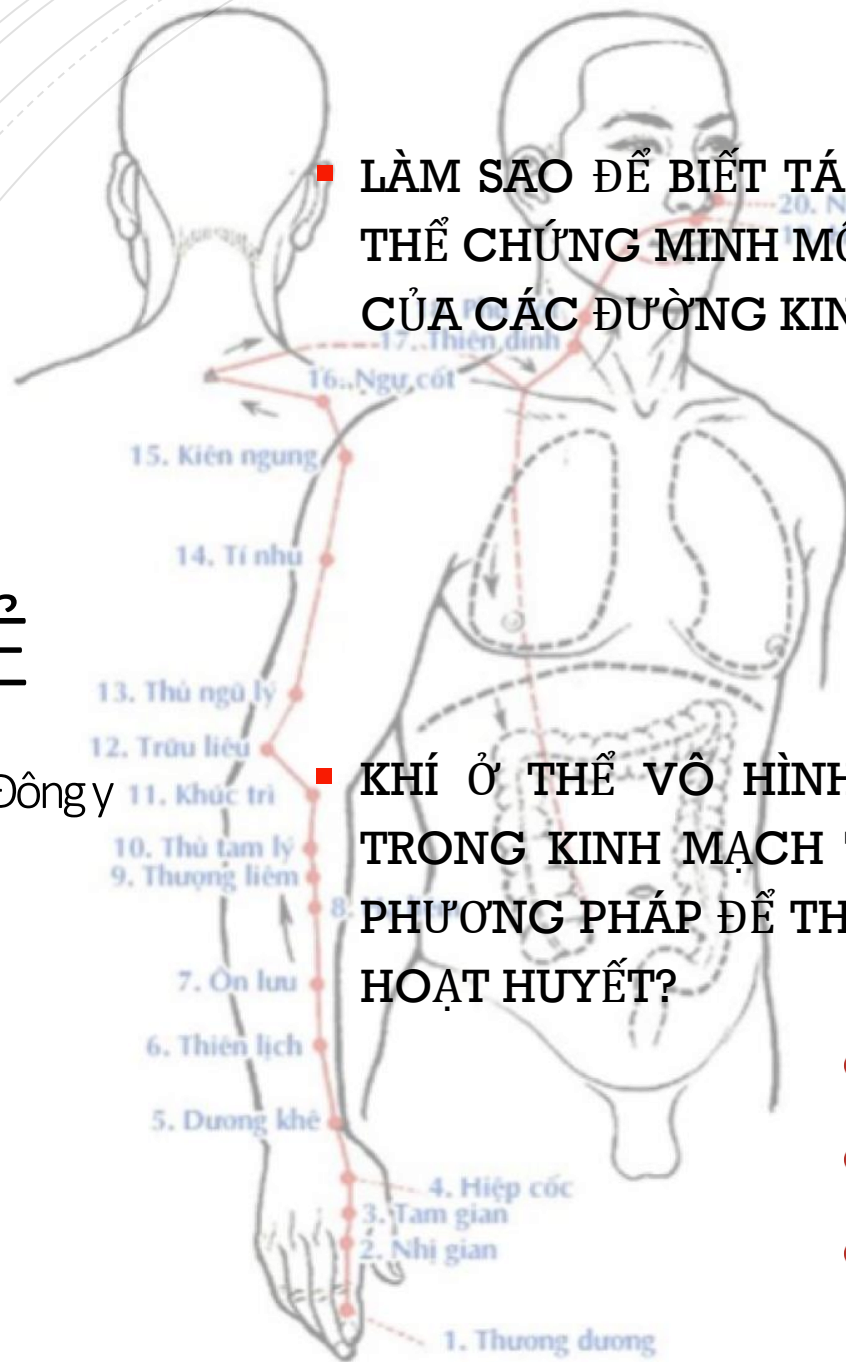
Mạch bệnh
Huyết xuống nhanh, Khí lên chậm



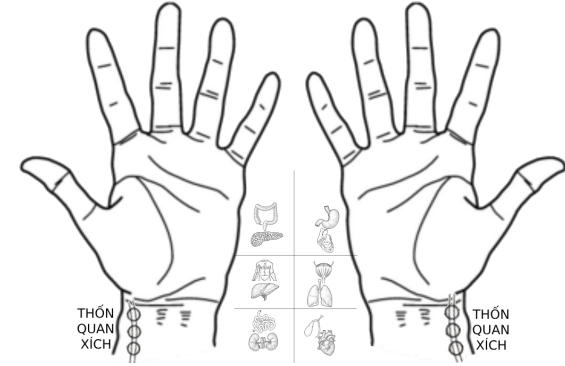
TƯỢNG QUẺ

ỨNG DỤNG ĐỂ LÀM GÌ?

Bắt đầu từ câu hỏi của Tây y với Đông y

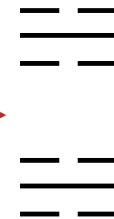


■ LÀM SAO ĐỂ BIẾT TÁC DỤNG LÂM SÀNG MÀ KHÔNG THỂ CHỨNG MINH MỘT CÁCH CHÍNH XÁC SỰ TỒN TẠI CỦA CÁC ĐƯỜNG KINH VÀ HUYỆT ĐẠO?



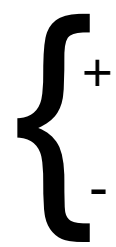
■ KHÍ Ở THỂ VÔ HÌNH – KHÔNG NHÌN THẤY, HUYỆT TRONG KINH MẠCH THÌ SAO CÓ THỂ CHỨNG MINH PHƯƠNG PHÁP ĐỂ THÔNG KINH HOẠT LẠC, HÀNH KHÍ HOẠT HUYỆT?

0	121			
1	120	1	120,5	
2	119	2	120,0	
3	118	3	119,5	→
4	117	4	119,0	
5	116	5	118,5	
6	115	6	118,0	→
7	114	7	117,5	
8	113	8	117,0	
9	112	9	116,5	→
10	111	10	116,0	
11	110	11	115,5	
12	109	12	115,0	→



ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

SYS



- 0 121
- 1 **120**
- 2 119
- 3 **118**
- 4 117
- 5 116
- 6 **115**
- 7 114
- 8 113
- 9 **112**
- 10 111
- 11 **110**
- 12 109

Sơ án

+

Trung án

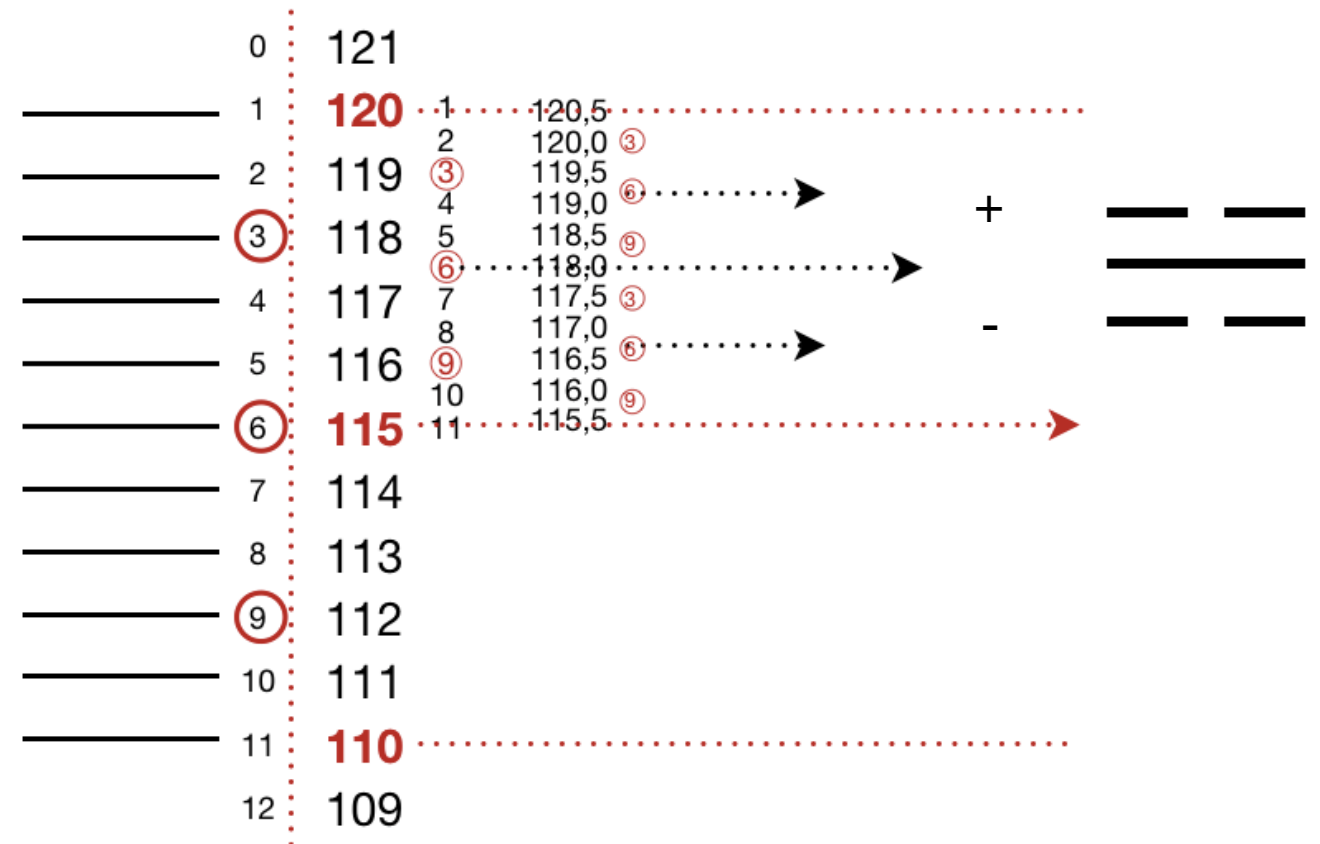
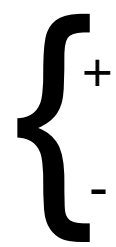
-

Trọng án



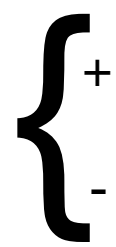
ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

SYS



ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

SYS



- 0 121
- 1 **120**
- 2 119
- 3 118
- 4 117
- 5 116
- 6 **115**
- 7 114
- 8 113
- 9 112
- 10 111
- 11 **110**
- 12 109

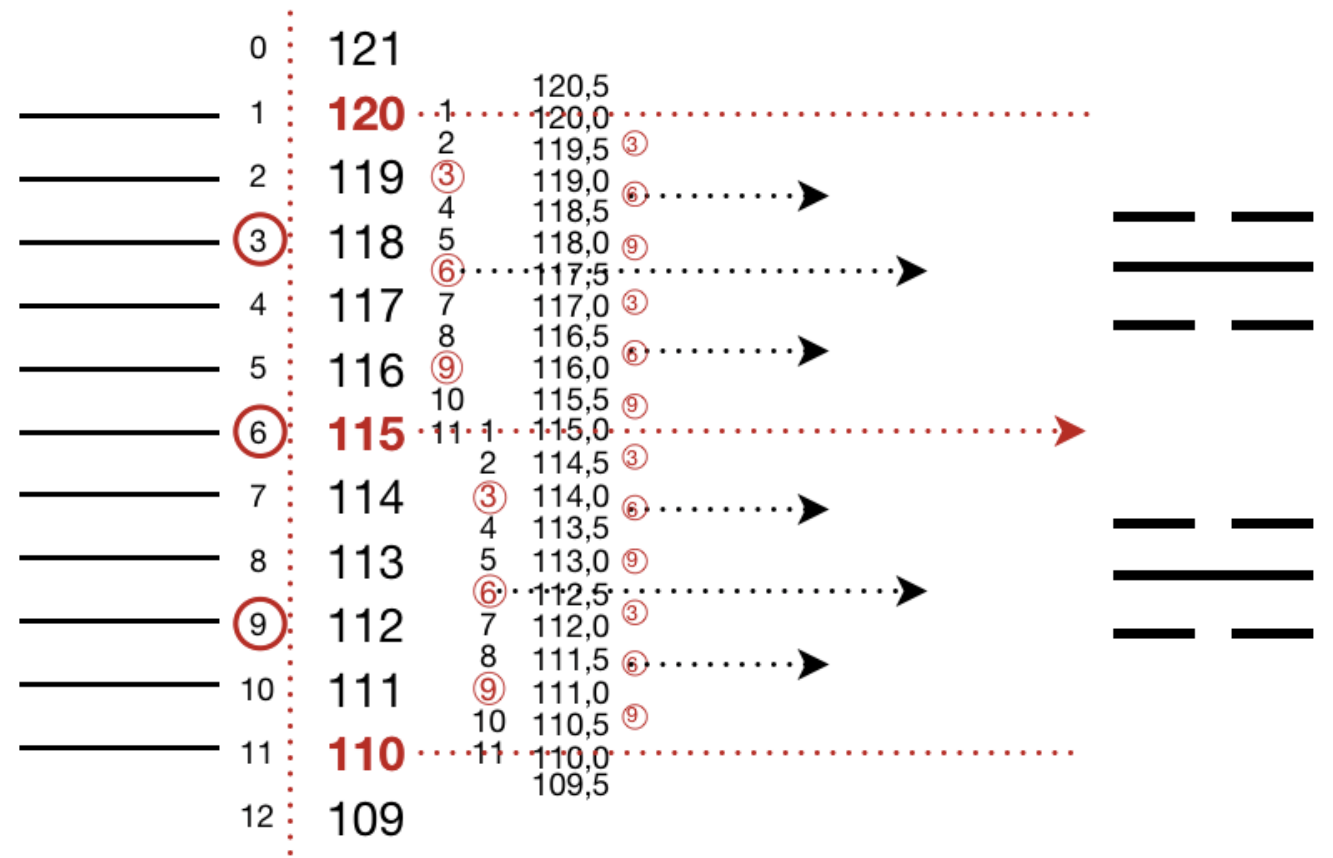
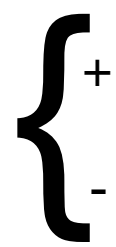
1	115,0		
2	114,5	③	
3	114,0	⑥	→
4	113,5		
5	113,0	⑨	
6	112,5		→
7	112,0	③	
8	111,5	⑥	→
9	111,0		
10	110,5	⑨	
11	110,0		
	109,5		

+
-



ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

SYS



ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

DIA

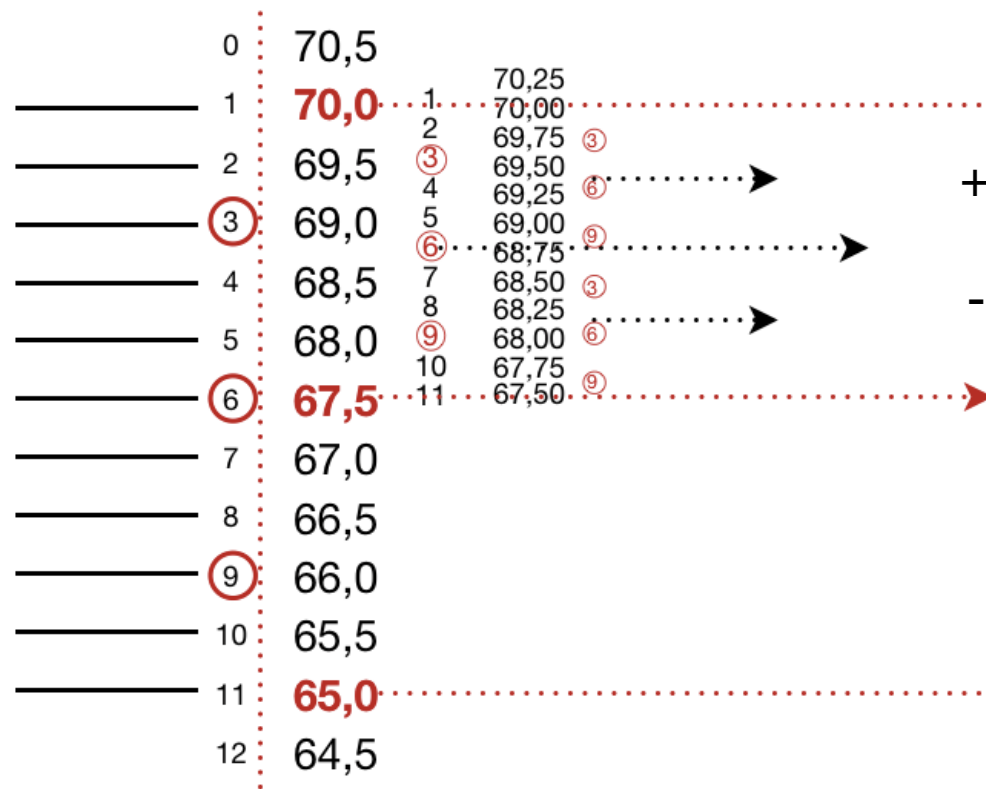


0 70,5
1 **70,0**
2 69,5
3 69,0
4 68,5
5 68,0
6 **67,5**
7 67,0
8 66,5
9 66,0
10 65,5
11 **65,0**
12 64,5



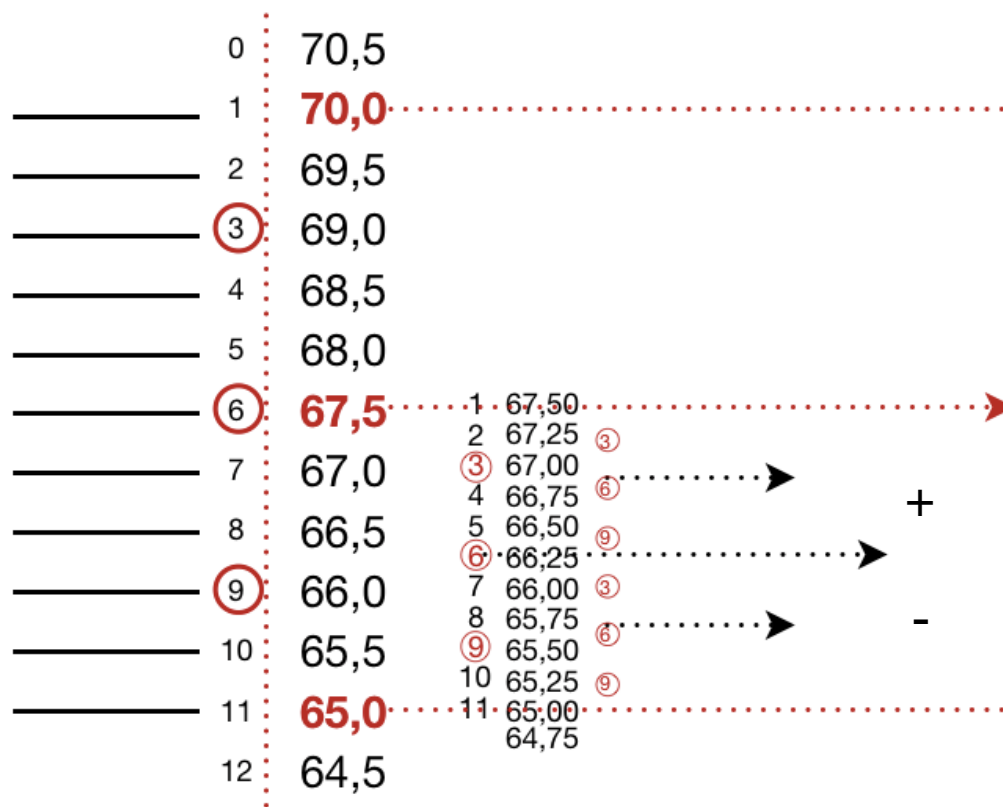
ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

DIA



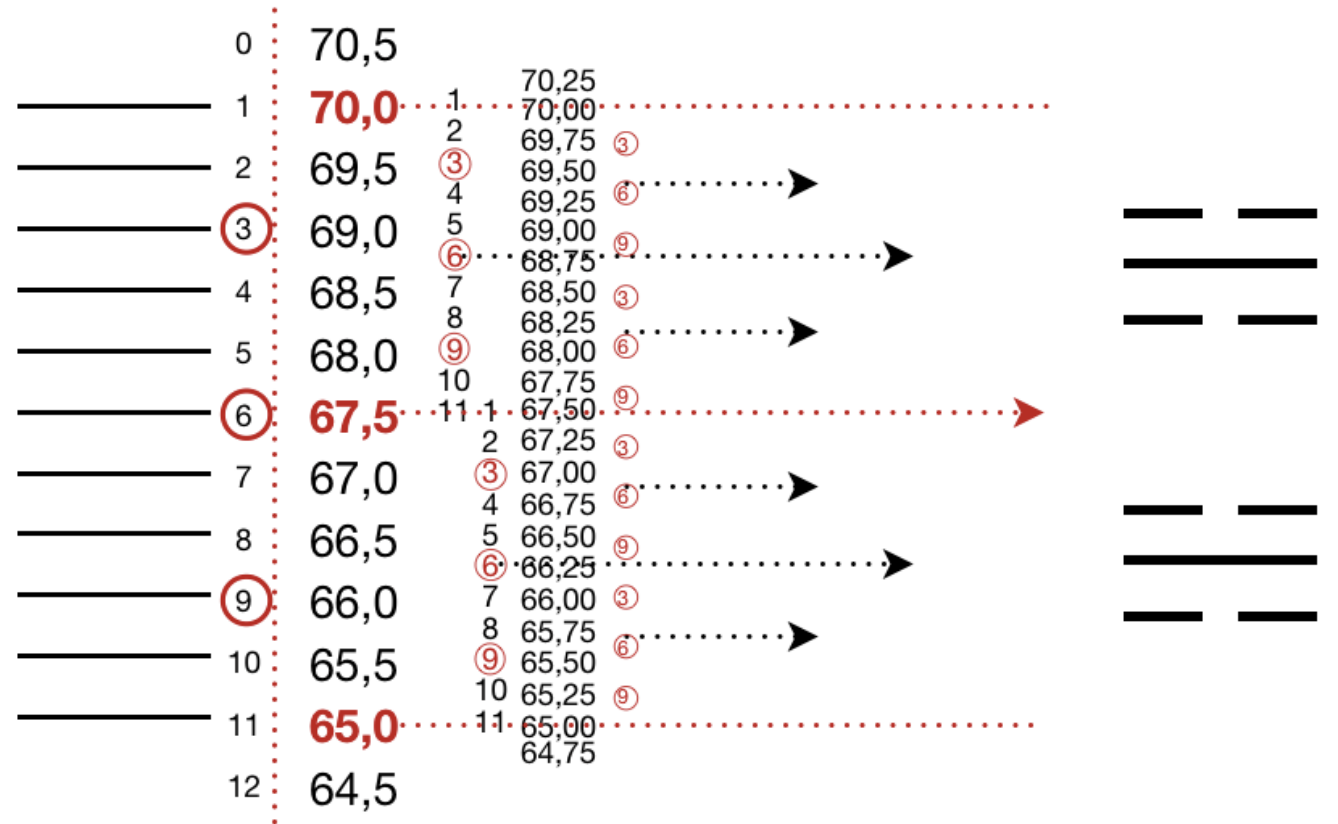
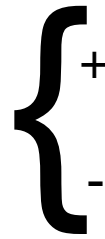
ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

DIA



ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

DIA



ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

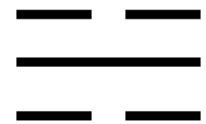
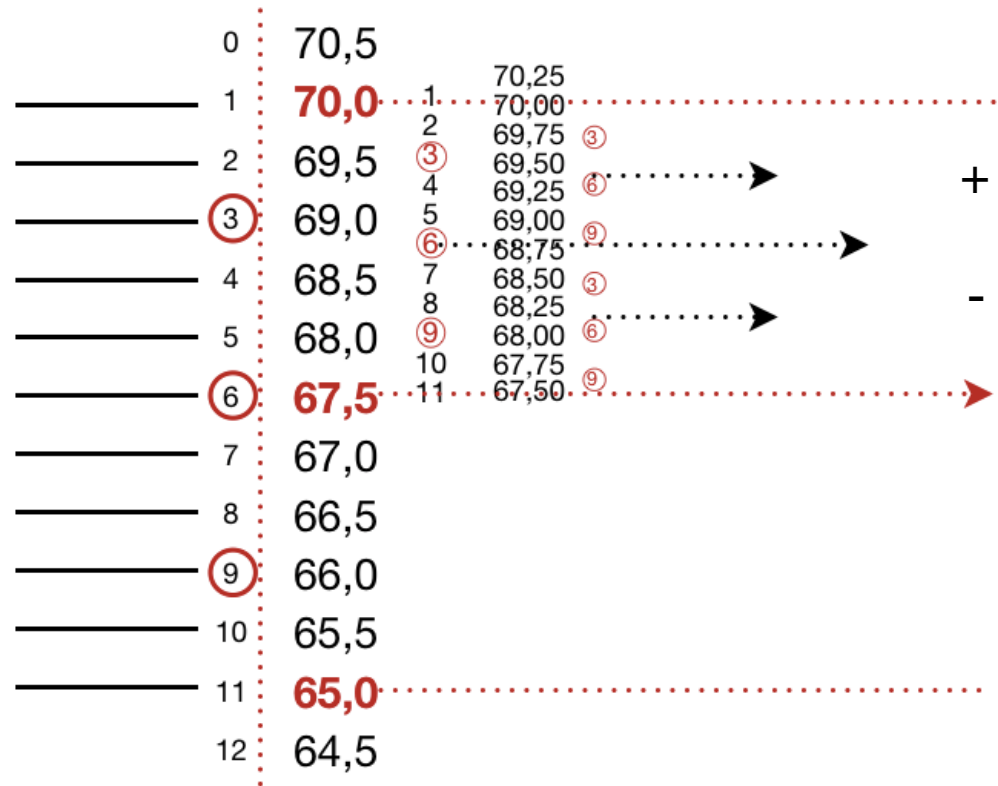
Pulse { +
- }

0	70,5
1	70,0
2	69,5
3	69,0
4	68,5
5	68,0
6	67,5
7	67,0
8	66,5
9	66,0
10	65,5
11	65,0
12	64,5



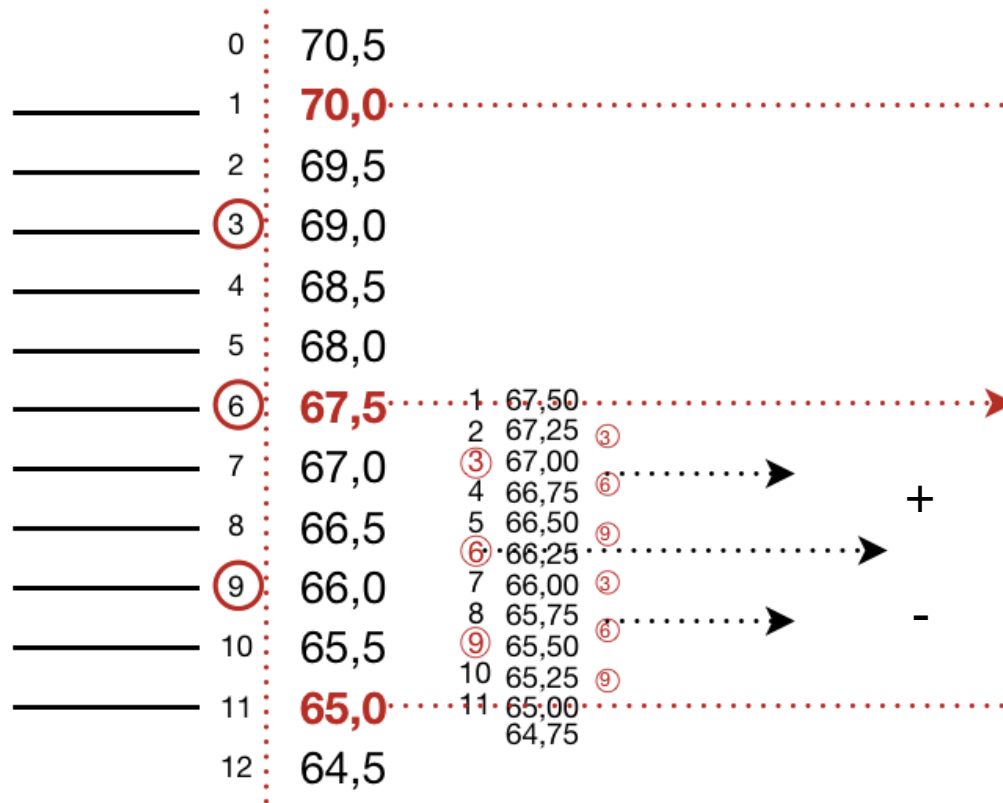
ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

Pulse { +
- }



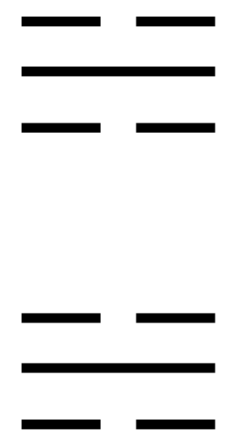
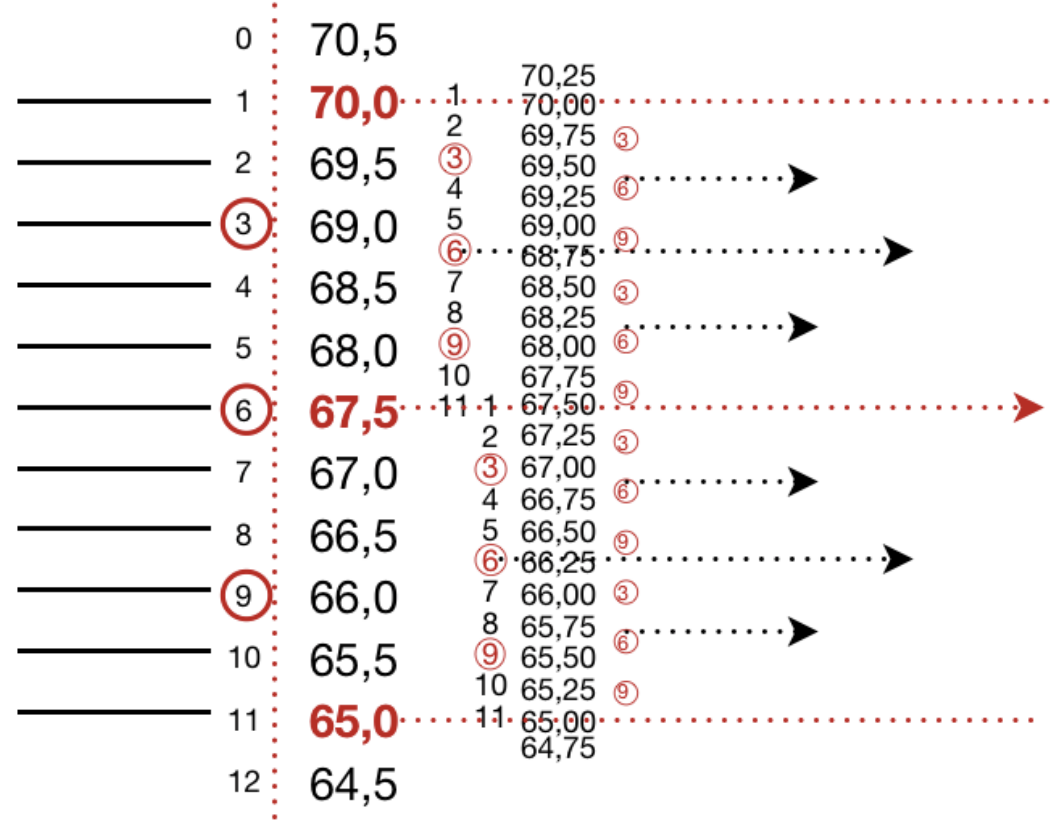
ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

Pulse { +
- }



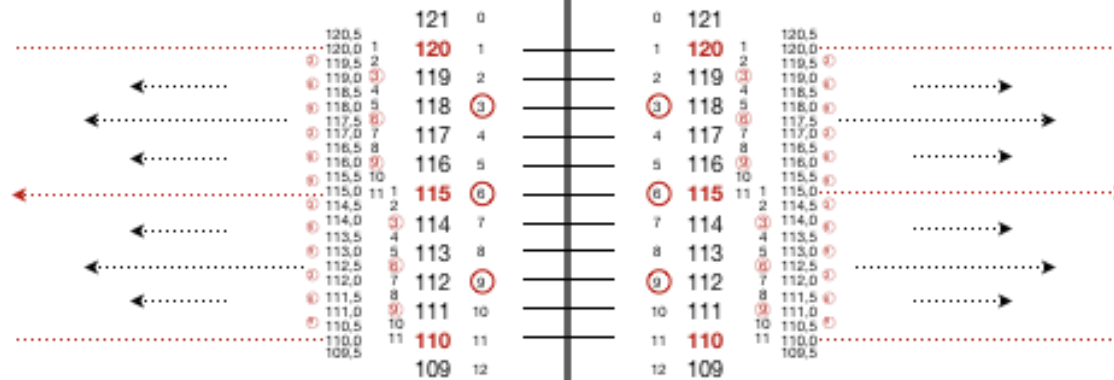
ỨNG DỤNG
CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

Pulse { +
- }

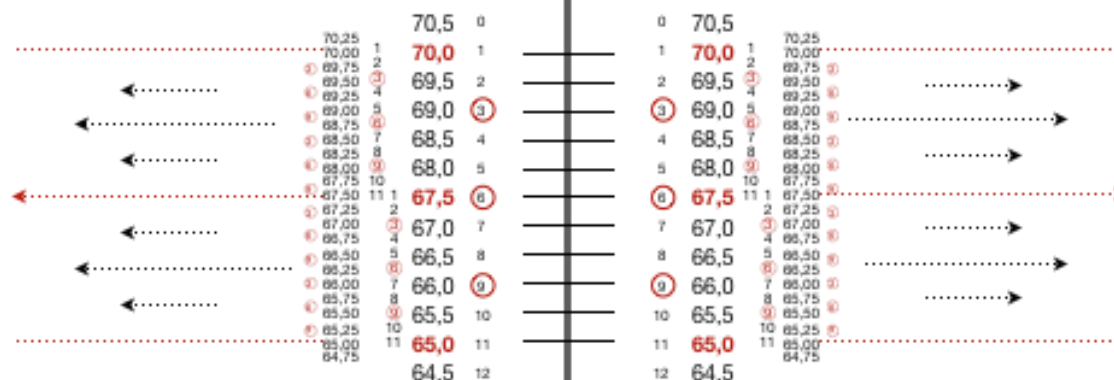


ỨNG DỤNG CHỈ SỐ KHÍ HUYẾT

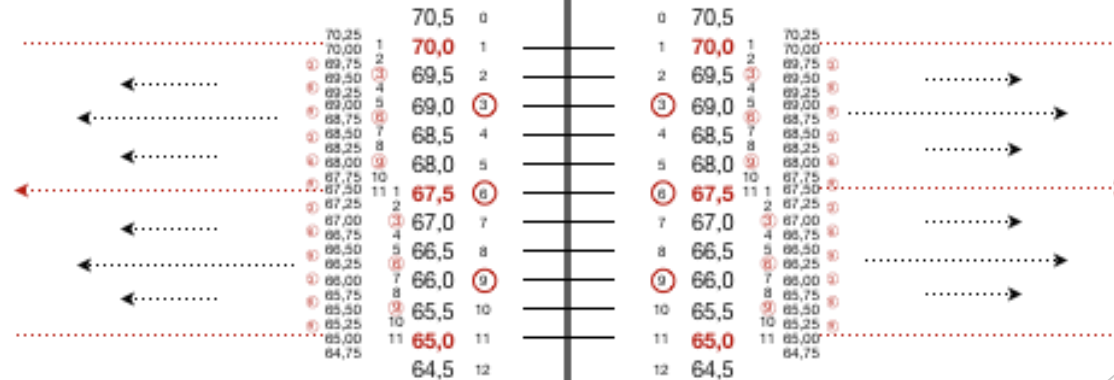
Phế tạng KHÍ
Can tạng HUYẾT
Thận tạng TINH
Tỳ tạng THẦN
Tâm chủ THẦN MINH



SYS



DIA



Pulse



MẠCH PHÙ

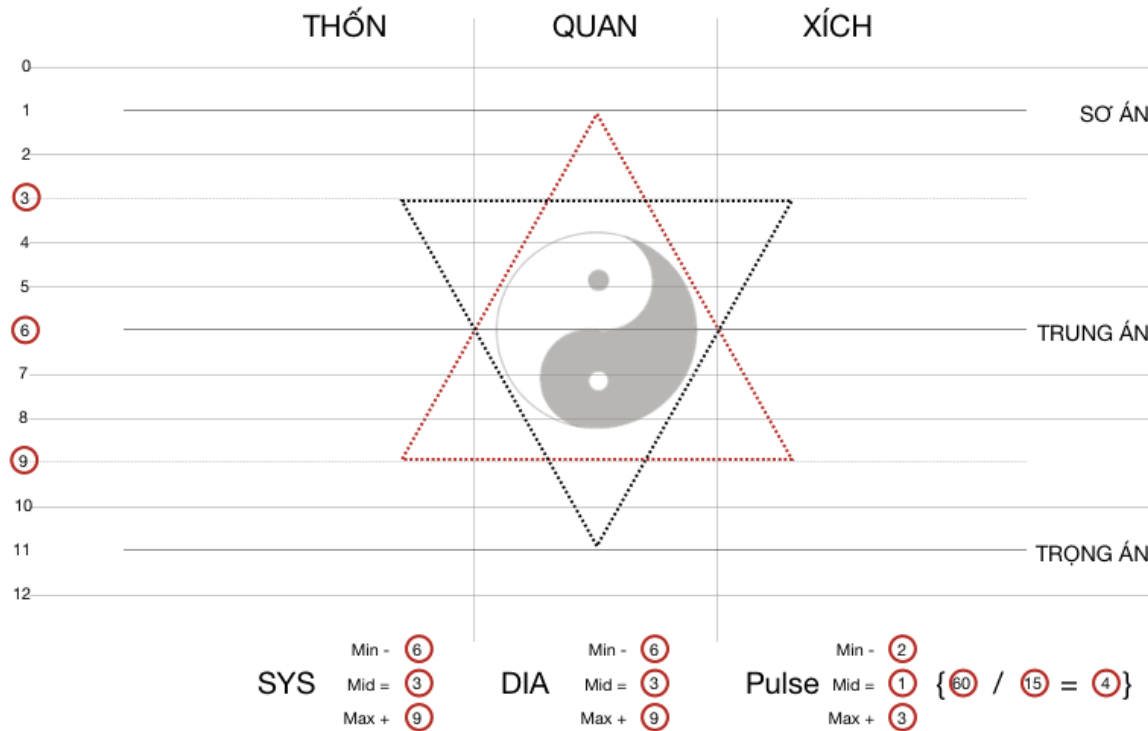
(HOẢ)

- Phù vi chủ biểu, thuộc phủ, thuộc dương
- Kinh thủ nhất chẩn, hình tượng chương chương
- Phù nhi hữu lực, **HÔNG** mạch hoả dương
- Phù nhi vô lực, **HƯ** mạch khí thương
- Phù nhi hư thậm, **TÁN** mạch phỉ thường
- Phù nhi SONG QUẢN, **HỔNG** mạch huyết ƯƠNG
- Phù nhi án cổ, **CÁCH** mạch ngoại cường
- Phù nhi nhu TẾ, **NHU** mạch thấp phương

▪ PHÙ VI CHỦ BIỂU, THUỘC PHỦ THUỘC DƯƠNG

- Phủ – Biểu – Dương: là đang nói ở bên ngoài
- Tạng – Lý – Âm: là đối (ngược) với nó.

MẠCH PHÙ
(HOẢ)



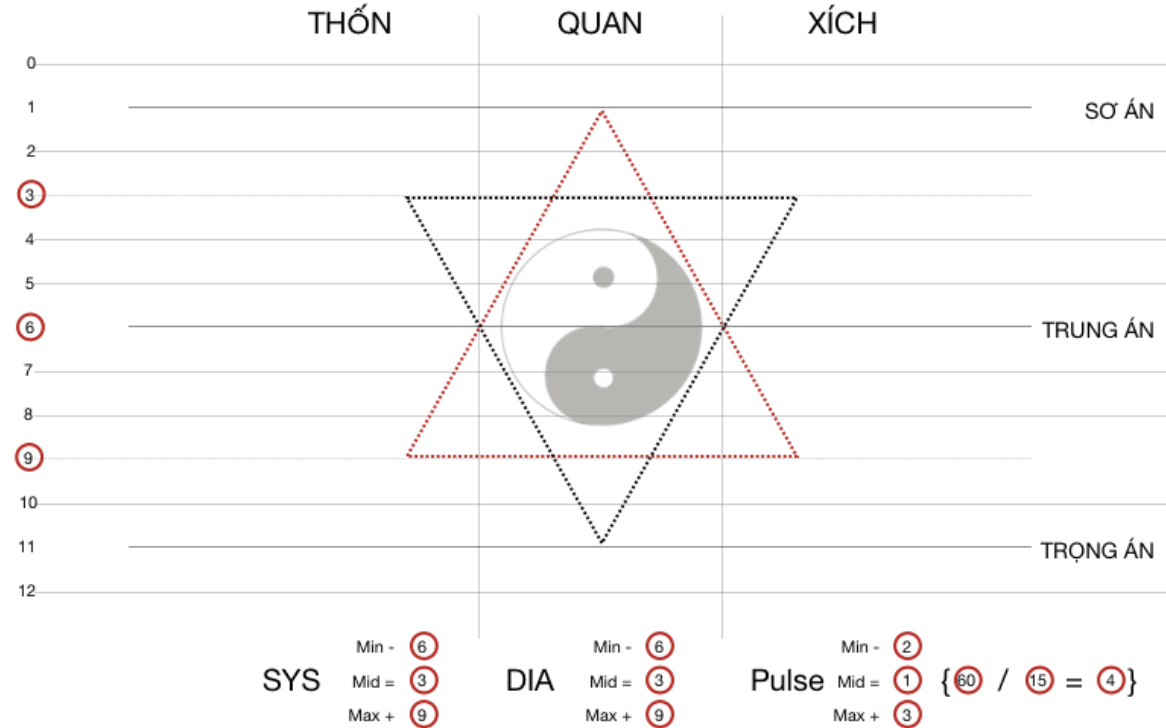
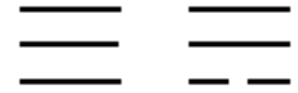
▪ KHINH THỦ NHẤT CHẨN, HÌNH TƯỢNG CHƯƠNG CHƯƠNG

- Kinh thủ: ở mức độ nhẹ tay, độ án thứ nhất thấy hình tượng mạch nổi lên. (Từ độ án dưới 0 & trên 1)

MẠCH PHÙ (HOẢ)

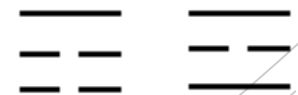
■ PHÙ NHI HỮU LỰC, HỒNG MẠCH HOẢ DƯƠNG

- Phù mà có lực được coi là mạch Hồng.
- Hoả dương: chứng bệnh – HOẢ nhiều.



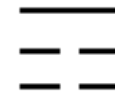
■ PHÙ NHI VÔ LỰC, HƯ MẠCH KHÍ THƯƠNG

- Vô lực là mạch yếu hơn hữu lực.
- Vô lực là khí đã bị tổn thương, khí thoát.



PHÙ NHI HƯ THẬM, TÁN MẠCH PHỔI THƯỜNG

➤ Mạch tán – hư thậm, hàn khí đã xâm nhập

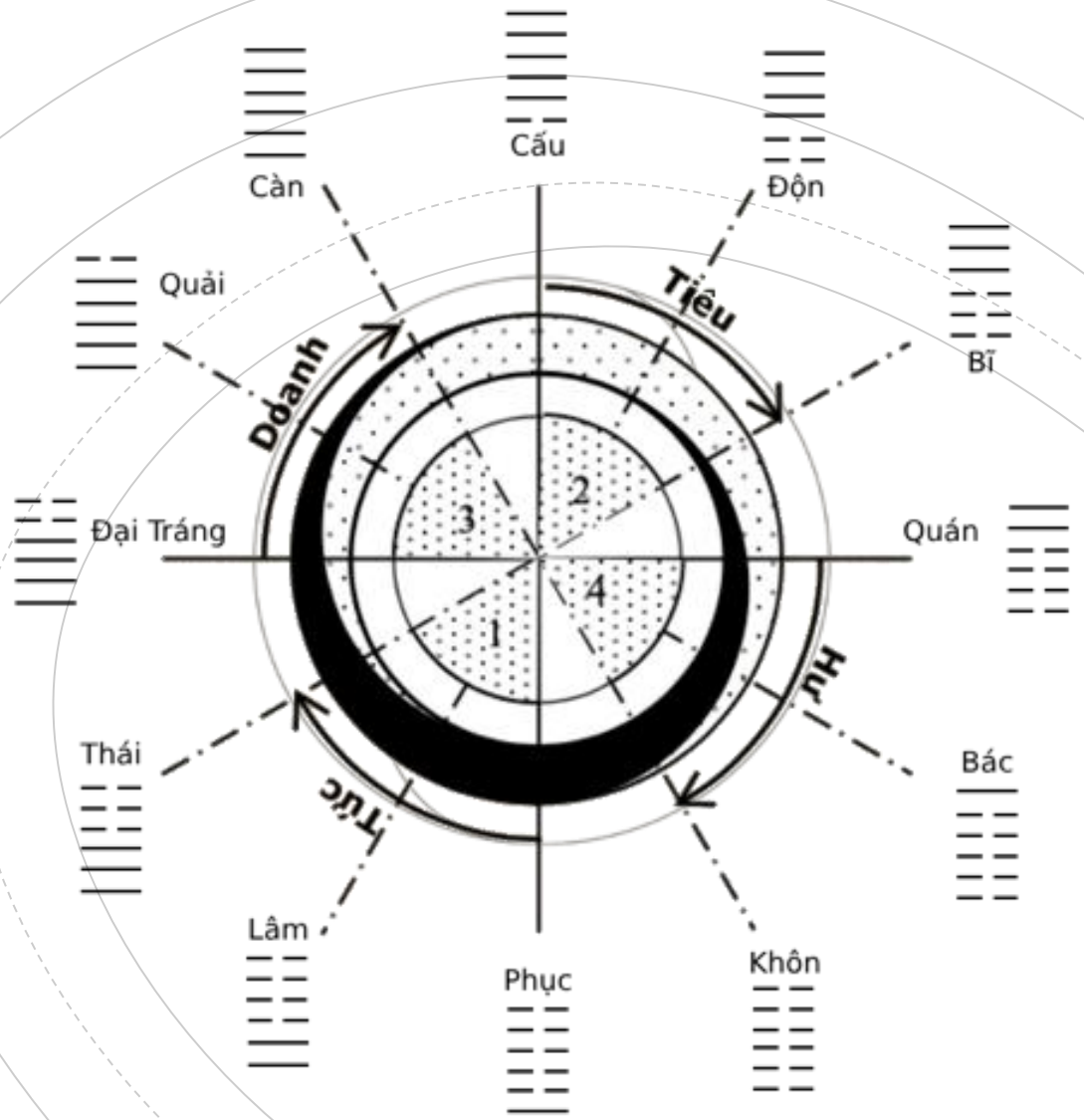
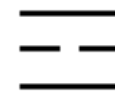


PHÙ NHI SONG QUẢN, HỔNG MẠCH HUYẾT ƯƠNG

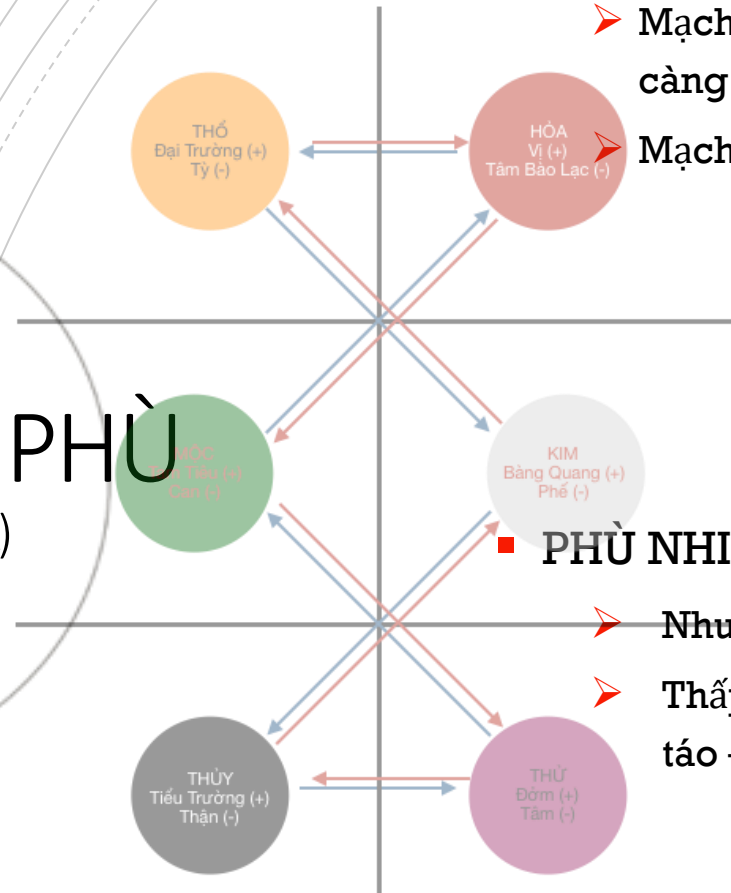
➤ Mạch hống là mạch rỗng ở giữa.

➤ Mạch như nồi nước sôi dậy vung – phần nước dồn ú ở phần nắp nồi không thoát được.

➤ Tượng mạch này thường thấy khi xuất huyết dưới da.



MẠCH PHÙ (HOẢ)



▪ PHÙ NHI ÁN CỔ, CÁCH MẠCH NGOẠI CƯỜNG

➤ Mạch cứng như nhấn xuống mặt trống, càng cứng thì bệnh càng nặng, tà khí bên ngoài rất mạnh (ngoại cường).

➤ Mạch cách đi với: Hồng – Hư – Hống thì bệnh nặng

▪ PHÙ NHI NHU TẾ, NHU MẠCH THẤP PHƯƠNG

➤ Nhu tế: là mạch nhỏ mà mềm, do phong thấp sinh ra.

➤ Thấp phương (phong thấp – phong hàn – phong thử – phong táo – phong hoá).



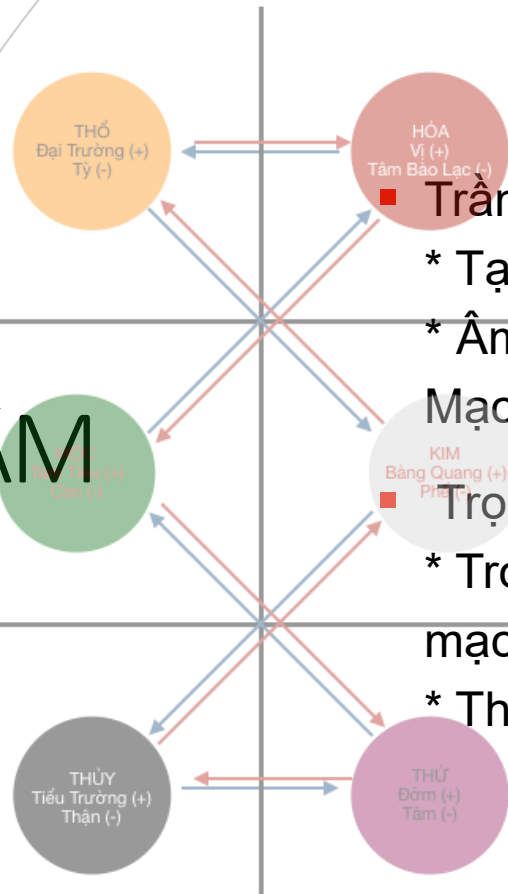
MẠCH TRẦM

(THỦY)

- Trầm vi chủ lý, thuộc Tang thuộc Âm
- Trọng thủ tâm án, thủy liễu vu Tâm
- Trầm nhi trước cốt, **PHỤC** mạch tà Thâm
- Trầm nhi Tế nhuyễn, **NHỢC** mạch hư tâm
- Trầm nhi để nhạt, **LAO** mạch hàn âm

MẠCH TRẦM

(THỦY)



■ Trầm vi chủ lý, thuộc Tạng thuộc Âm

* Tạng <> Phủ

* Âm <> Dương

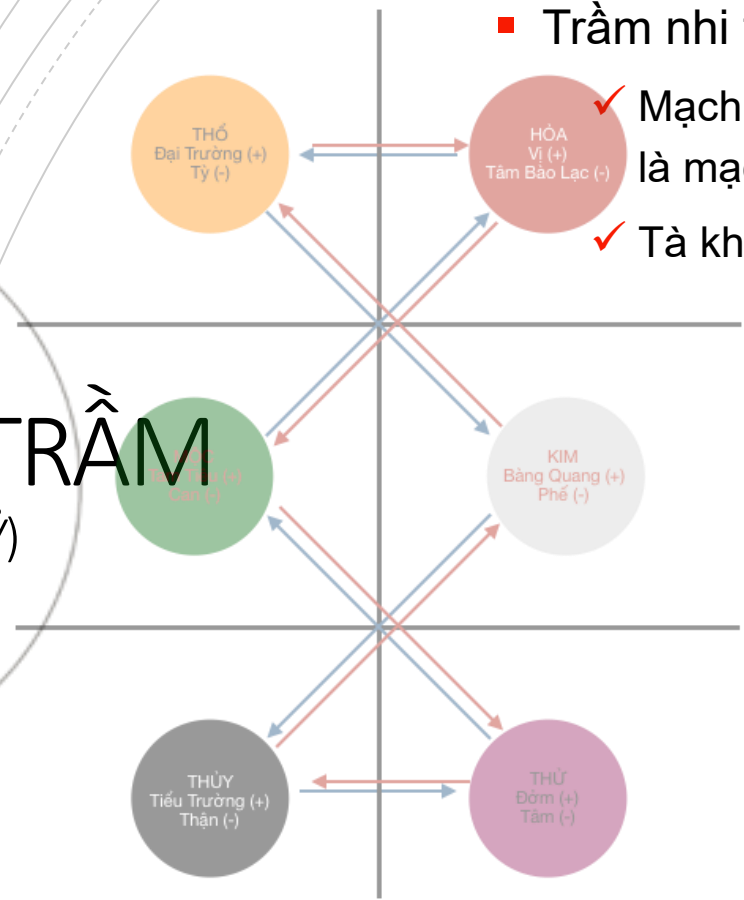
Mạch hiện hữu ở phần Tạng ở phần Âm

■ Trọng thủ tâm án, thủy liễu vu Tâm

* Trọng thủ: ở mức án nặng tay – ấn mạnh tay. Ở 3 độ án mạch thì mạch Trầm ở mức dưới 6.

* Thủy liễu vu tâm: Ý nói Huyết về Tâm mảnh & nhẹ

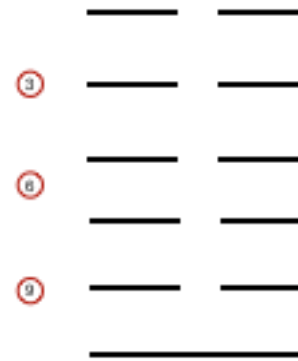
MẠCH TRẦM (THỦY)



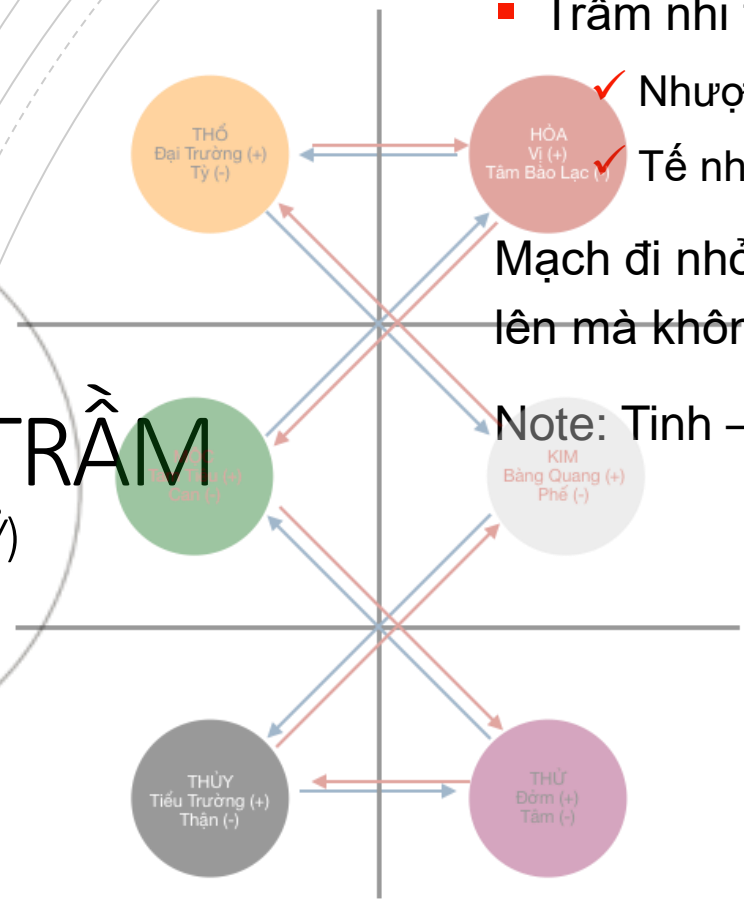
■ Trầm nhi trước Cốt, PHỤC mạch tà Thâm

✓ Mạch trầm mà ở trước xương, đục tới xương thì được gọi là mạch PHỤC

✓ Tà khí đã vào sâu tới bên trong.



MẠCH TRẦM (THỦY)



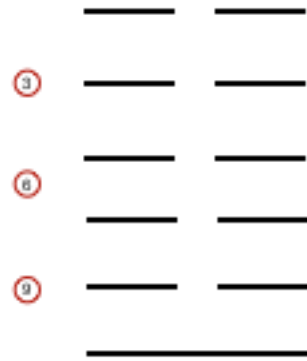
Trầm nhi tế nhuyễn, NHƯỢC mạch hư trầm

Nhược: hư chứng

Tế nhuyễn: vừa nhỏ và vừa mềm

Mạch đi nhỏ & mềm, hiện hữu tới sát xương, khi nhấc tay lên mà không thấy lực theo lên là tượng PHỤC - NHƯỢC.

Note: Tinh – Khí – Thần



- Trầm nhi để ngạnh, LAO mạch hàn xâm.

✓ Ngạnh: mạch dưới ngón tay cứng như ngạnh cá trê.

✓ Hàn xâm: hàn khí xâm nhập tới Tạng.

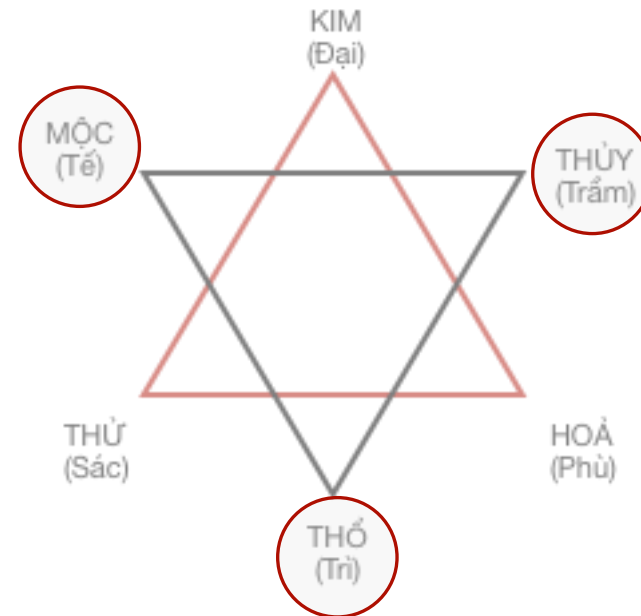
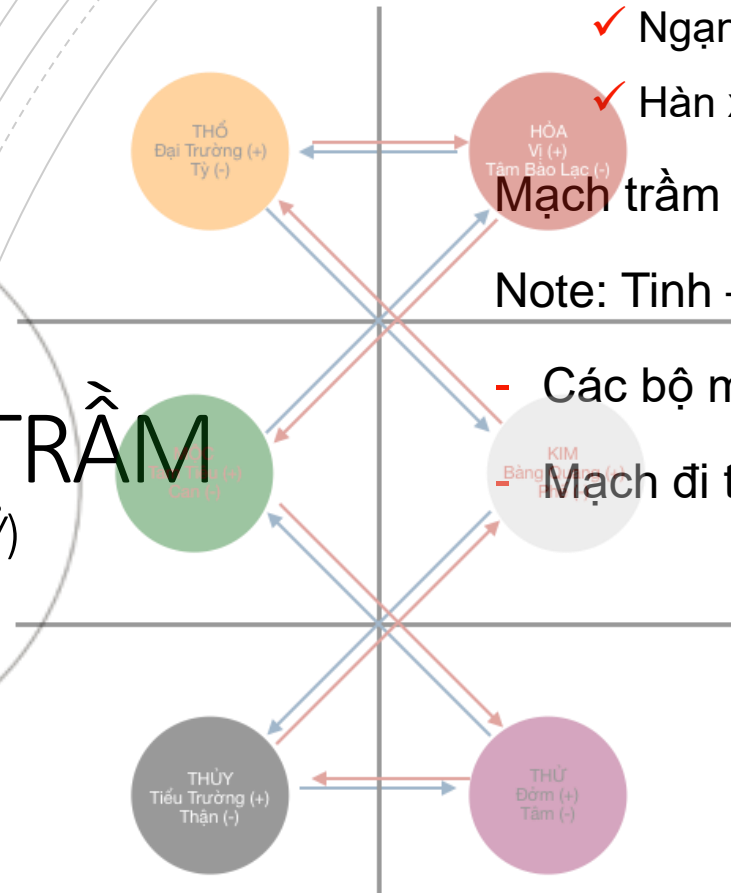
Mạch trầm thuộc Thủy, Thủy là Hàn. Tế nhuyễn <> Ngạnh.

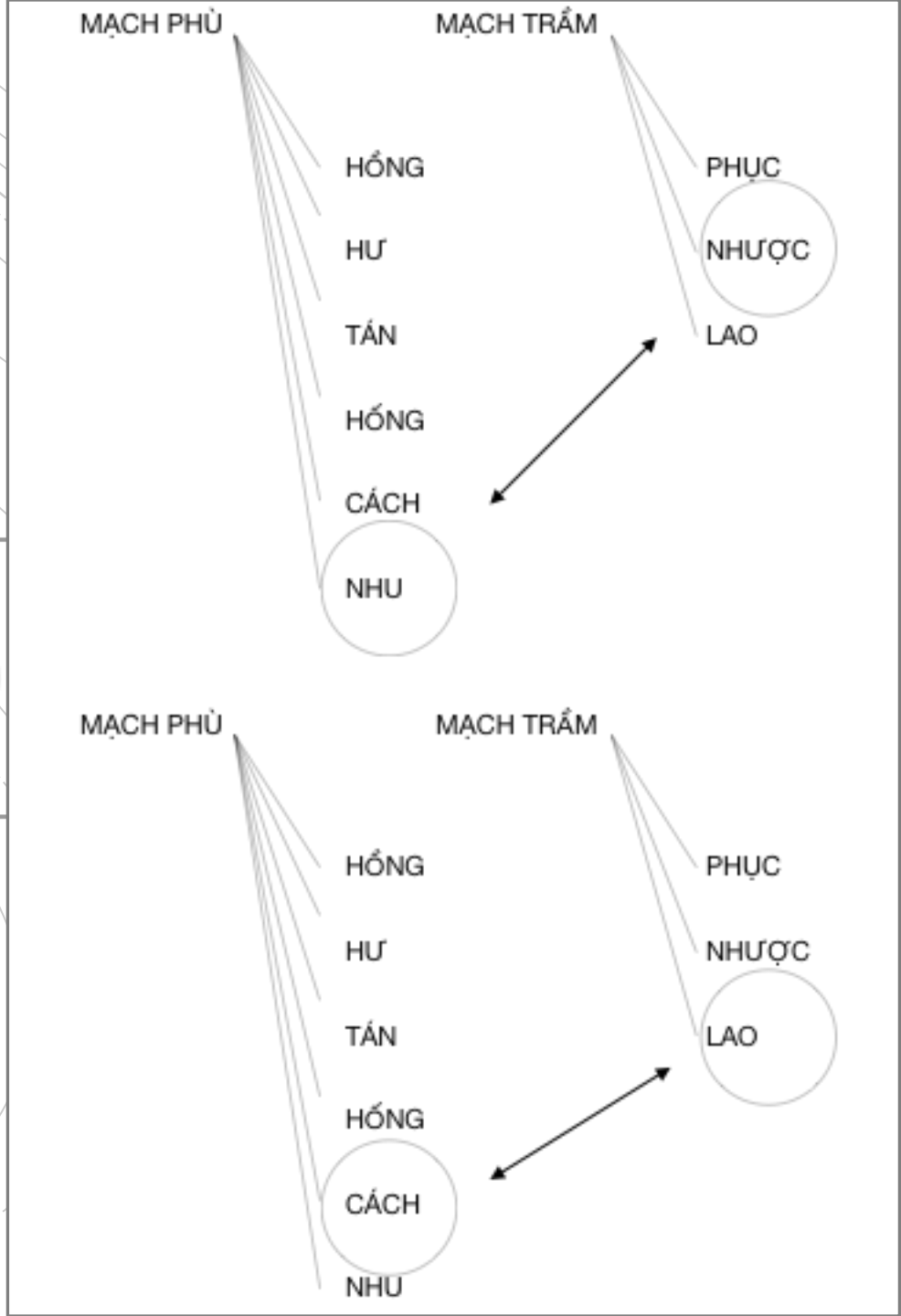
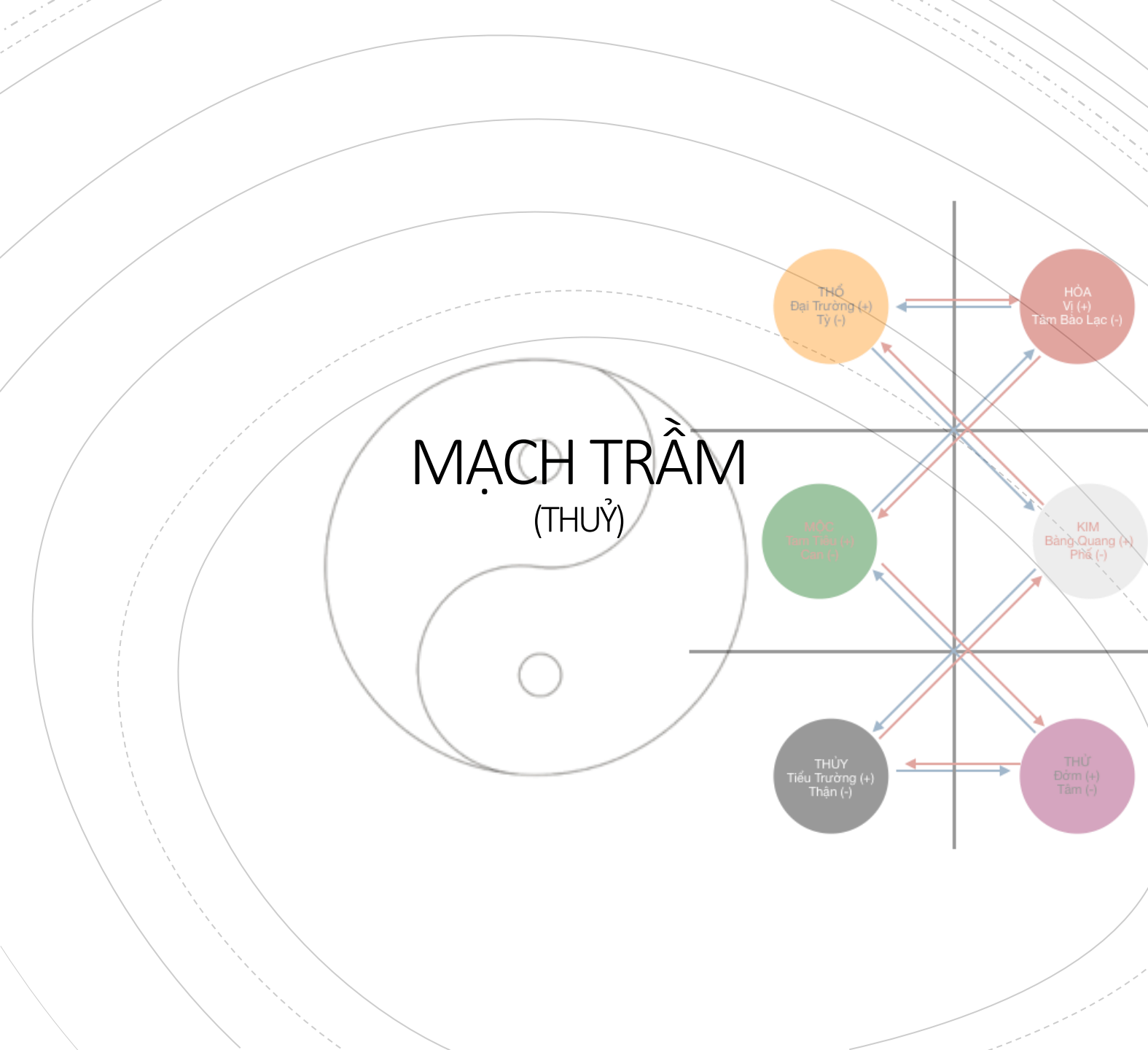
Note: Tinh – Khí – Thần

- Các bộ mạch liên quan là Thủy – Mộc – Thổ.

Mạch đi thuận dễ chữa, mạch đi nghịch khó chữa

MẠCH TRẦM (THỦY)



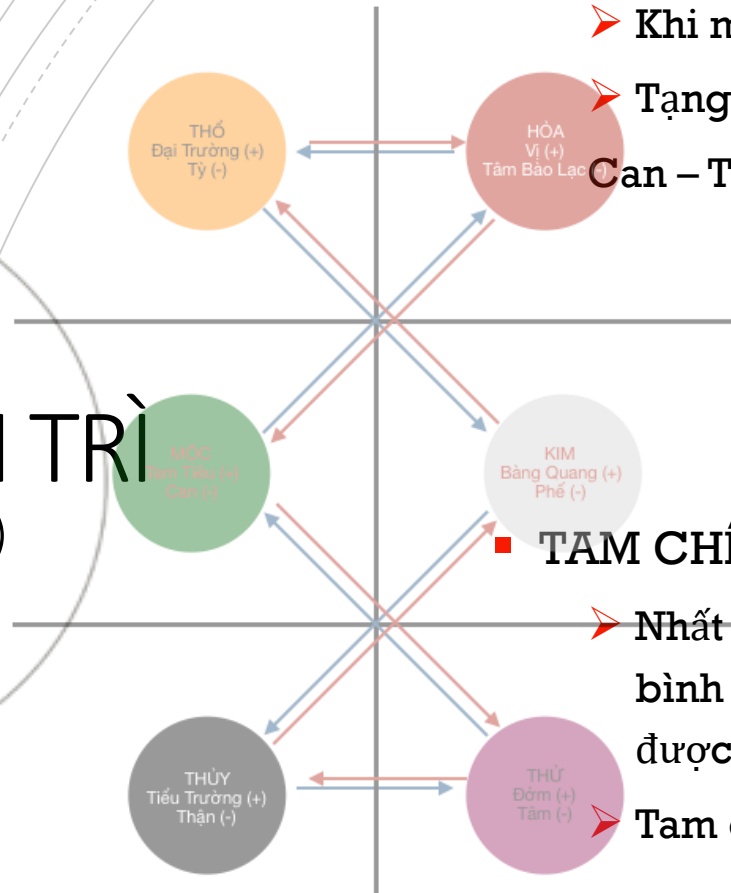




MẠCH TRÌ

- Trì vi CHỦ HÀN, Tạng Bệnh Diệt Thị
- TAM CHÍ NHỊ CHÍ, số mục khả SUY
- Trì nhi BẤT KHIÊN, **HOÃN** mạch tối mỹ
- Trì nhi BẤT LƯU, **SÁP** MẠCH HUYẾT BỈ
- Trì nhi NGÃU ĐÌNH, **KẾT** MẠCH UẤT THỰC
- Trì chi ĐỊNH KỲ, **ĐỢI** MẠCH ĐA TỬ

MẠCH TRÌ (THỔ)



▪ TRÌ VI CHỦ HÀN, TẠNG BỆNH DIỆC THỊ

➤ Khi mạch đi Trì – chủ về Hàn khí.

➤ Tạng bệnh diệc thị là bệnh thuộc về Tạng.

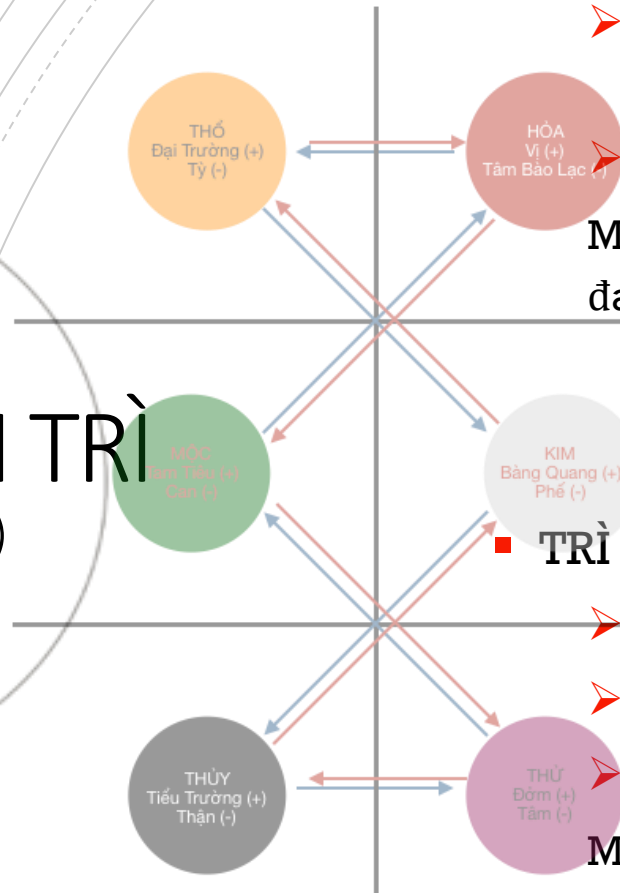
Can – Tỳ – Phế – Thận – Tâm – Tâm Bào Lạc

▪ TAM CHÍ NHỊ CHÍ, SỐ MỤC KHẢ SUY

➤ Nhất tức tứ chí vi bình mạch: Ý nói một người khoẻ mạnh bình thường sẽ có hơi thở ra & vào một vòng thì tim đập được 4 nhịp – không nhanh và không chậm.

➤ Tam chí – nhị chí là người có tượng bệnh suy.

MẠCH TRÌ (THỔ)



▪ TRÌ NHI BẤT KHIÊN, HOÃN MẠCH TỐI MỸ

➤ Khiên: là vướng mắc hay chặn lại – bất khiên là không vướng mắc, lưu loát, trơn chu.

➤ Hoãn: ý nói đều đặn

Mạch chậm nhưng đều đặn, không vướng mắc đó là mạch đang hoạt động tốt – bệnh nhẹ, âm khí mới xuất hiện.

▪ TRÌ NHI BẤT LƯU, SẤP MẠCH HUYẾT BỈ

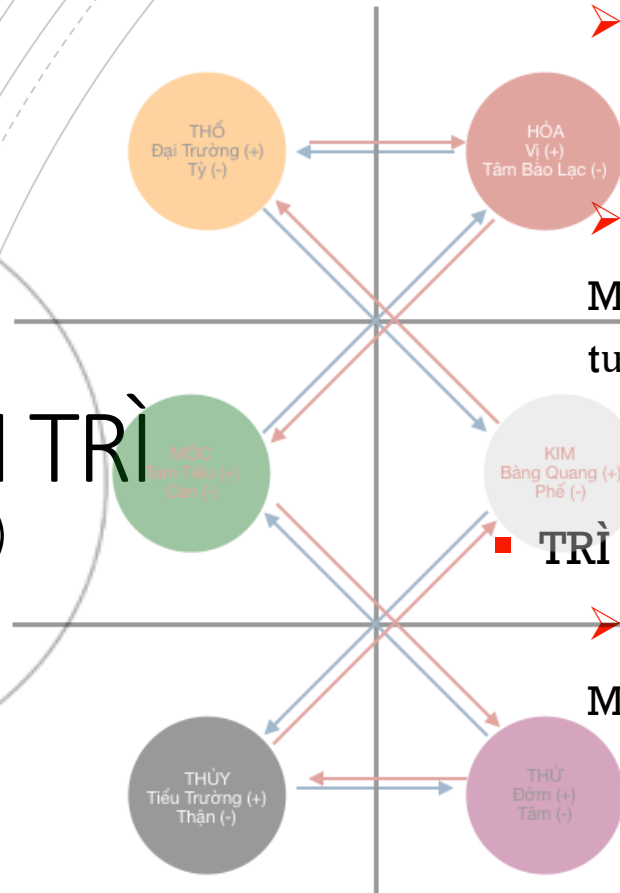
➤ Lưu là lưu loát – bất lưu là không thông.

➤ Sấp là đặc lại, tượng của hàn khí, băng giá.

➤ Huyết bỉ là chỉ sự bế tắc.

Mạch đi chậm, không đều, huyết đang bị bế tắc – ứ huyết.
Mạch đi khi lớn, khi nhỏ.

MẠCH TRÌ (THỔ)



▪ TRÌ NHI NGÃU ĐÌNH, KẾT MẠCH UẤT THỰC

➤ Đình là ngưng lại, ngẫu là không có chu kỳ – ngẫu nhiên.
Có khi mạch đập vài nhịp lại ngưng vài nhịp – số nhịp không có chu kỳ cố định.

➤ Uất thực: thức ăn không tiêu hoá được

Mạch KẾT là mạch chậm, thi thoảng ngưng không cố định là tượng suy ở cả chức năng và cơ sở.

▪ TRÌ NHI ĐỊNH KỲ, ĐỢI MẠCH ĐA TỬ

➤ Định kỳ là ngừng có chu kỳ lặp lại nhiều lần.

Mạch đi tượng này đa phần không chữa được - ĐA TỬ.

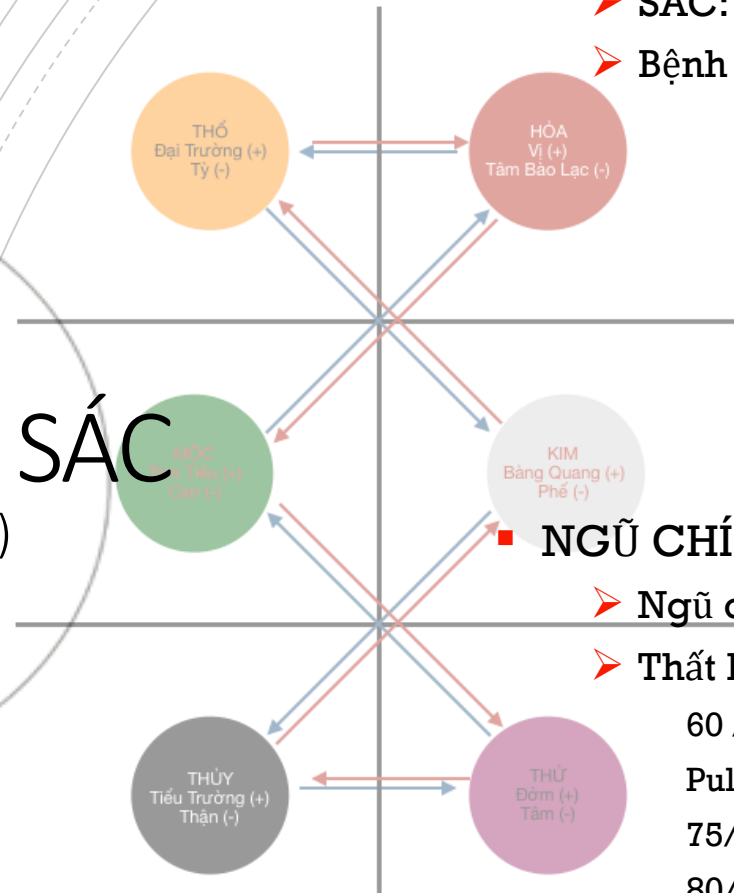


MẠCH SẮC

(THỦ)

- SẮC vi CHỦ NHIỆT, PHỦ BỆNH DIỆC ĐỒNG
- NGŨ CHÍ DĨ THƯỢNG, THẮT - BÁT NHÂN TRUNG
- SẮC NHI LƯU LỢI, **HOẠT** MẠCH ĐÀM MÔNG
- SẮC NHI KHUYÊN CHUYỂN, **KHẨN** MẠCH HÀN CÔNG
- SẮC NHI HỮU CHỈ, **XÚC** MẠCH NHIỆT HỒNG
- SẮC KIẾN Ứ QUAN, **ĐỘNG** - MẠCH BĂNG TRUNG

MẠCH SẮC (THỦ)



▪ SẮC VI CHỦ NHIỆT, PHỦ BÌNH DIỆC ĐỒNG

- SẮC: Mạch đi nhanh – chủ bệnh về nhiệt
- Bệnh thuộc PHỦ, diệc đồng – cùng nhiệt nơi PHỦ

▪ NGŨ CHÍ DĨ THƯỢNG, THẤT BÁT NHÂN CHUNG

- Ngũ chí: Mạch đi 5 nhịp (nhất tức – tứ chí)
- Thất bát: Mạch đi 7 – 8 nhịp, người ta dễ chết.

$60 / 4 = 15$ (Lục thập hoa giáp & Lạc thư đồ)

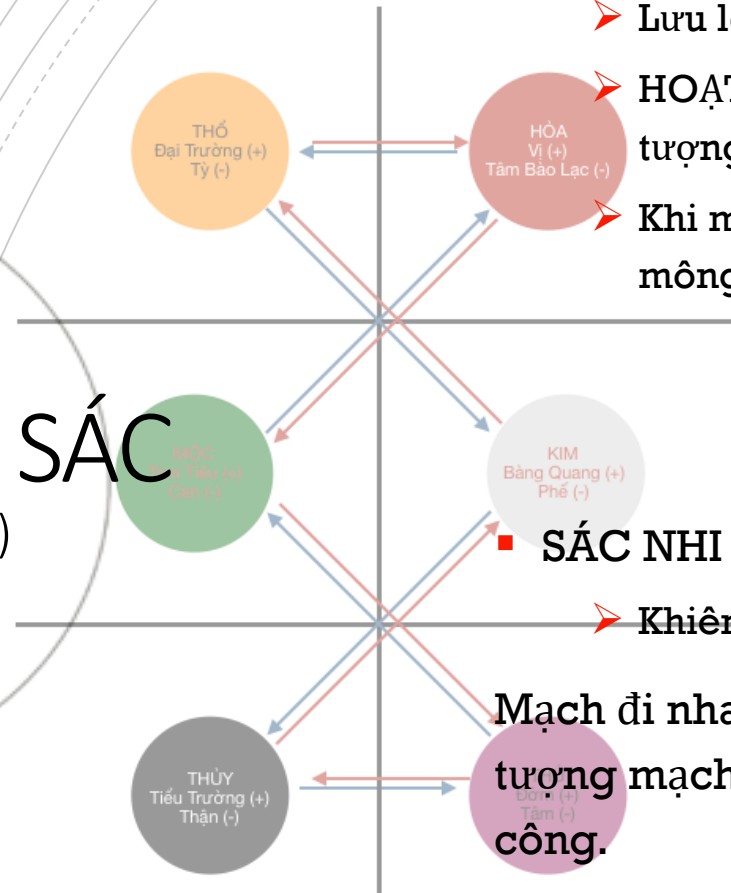
Pulse: 75 (tiêu chuẩn 70 – 80)

$75 / 15 = 5$ HOÀ

$80 / 15 = 5.33$ PHỦ

$70 / 15 = 4.66$ TRẦM

MẠCH SẮC (THỦ)



▪ SẮC NHI LƯU LỢI, HOẠT MẠCH ĐÀM MÔNG

- Lưu lợi: Mạch đi đều.
- HOẠT là mạch nhảy trơn tru, đều đặn (khi bắt mạch, thấy tượng mạch như hạt gạo lăn đều đặn).
- Khi mạch đi lưu lợi, hoạt thì đàm đang tích lại nên gọi là đàm mông.

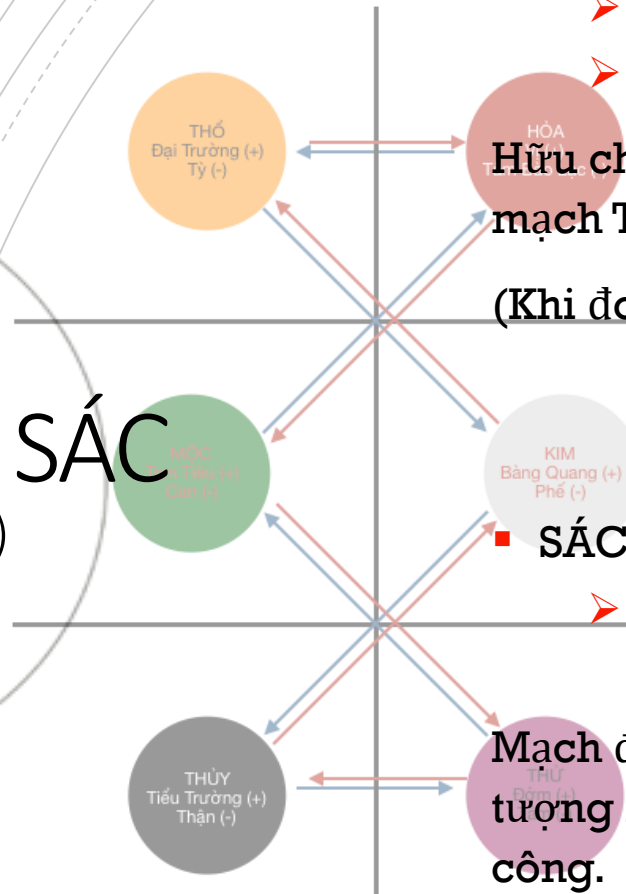
▪ SẮC NHI KHIÊN CHUYỂN, KHẨN MẠCH HÀN CÔNG

- Khiên: là vướng mắc, co lại. Chuyển: chuyển động

Mạch đi nhanh, chuyển động mà thấy sự vướng mắc thì đó là tượng mạch KHẨN. Tượng này cho biết HÀN khí đang tấn công.

Khi bắt mạch thấy mạch cứng dưới tay (Pulse cao, SYS cao)

MẠCH SẮC (THỦ)



▪ SẮC NHI HỮU CHỈ, XÚC MẠCH NHIỆT HỒNG

- Hữu chỉ: có ngừng (không có định kỳ), không có túc số.
- Xúc: nóng (nhiệt), hoả khí xuất hiện.

Hữu chỉ là có ngừng mạch nhưng không định kỳ, khác với mạch TRÌ – ngẫu đình.

(Khi đo máy ngưng rồi lại chạy lại – áp lực mạch mất)

▪ SẮC KIẾN Ứ QUAN, ĐỘNG MẠCH BẰNG TRUNG

- Kiến: thấy. Ứ quan: là ở bộ Quan mà không thấy ở các bộ còn lại (Thốn – Quan – Xích). Bằng trung: không có lực ở trung án.

Mạch đi nhanh, chuyển động mà thấy sự vướng mắc thì đó là tượng mạch KHẨN. Tượng này cho biết HÀN khí đang tấn công.

Khi bắt mạch thấy mạch cứng dưới tay (Pulse cao, SYS cao)

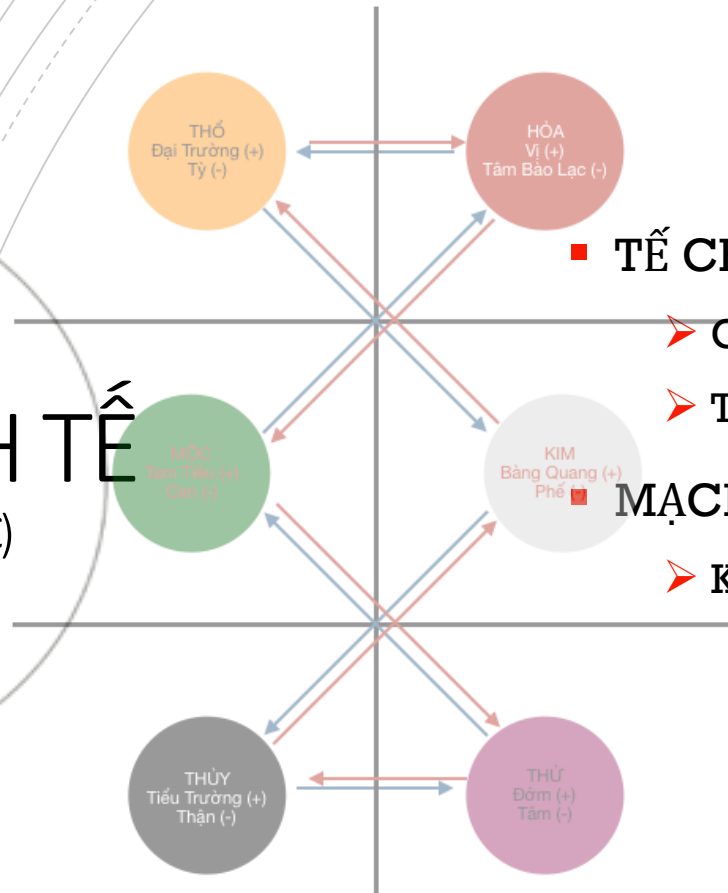


MẠCH TẾ

(MỘC)

- TẾ CHỦ CHƯ HƯ, THÙ TY KỲ TƯỢNG
- MẠCH ĐẠO THUỘC ÂM, BỆNH TÌNH KHẢ TƯỢNG
- TẾ BẤT HIỂN MINH, **VI** MẠCH HUYẾT ƯƠNG
- TẾ NHI TIỂU PHÙ, **NHU** MẠCH THẤP TRƯỞNG
- TẾ NHI TIỂU TRÂM, **NHƯỢC** MẠCH THẤT DƯỞNG

MẠCH TẾ (MỘC)



■ TẾ CHỦ CHƯ HƯ, THÙ TY KỶ TƯỢNG

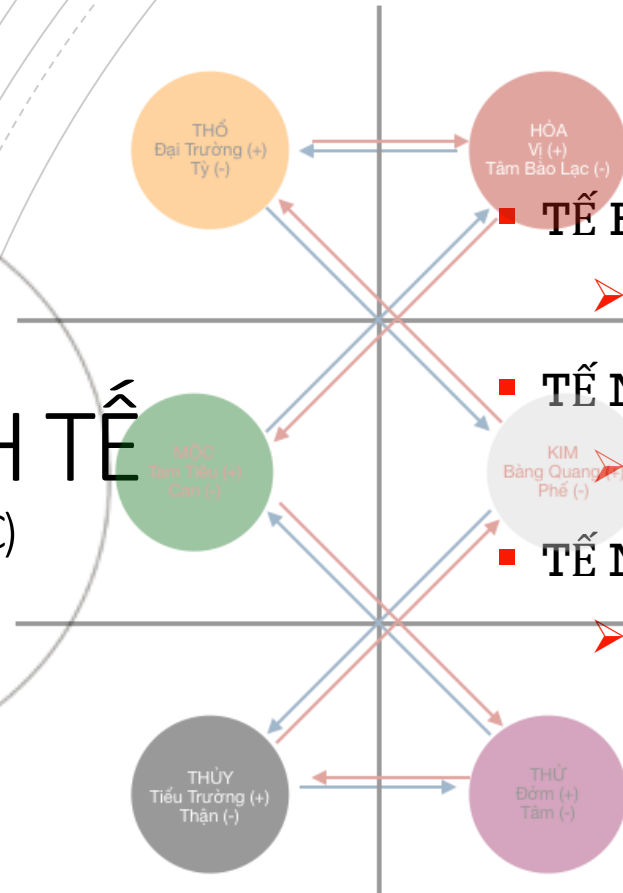
➤ Chư hư là hư chứng

➤ Thù ty là sọi tư nhện - mạch nhỏ mà nhẹ.

■ MẠCH ĐẠO THUỘC ÂM, BỆNH TÌNH KHẢ TƯỢNG

➤ Khả tượng là rõ ràng.

MẠCH TẾ (MỘC)



■ TẾ BẤT HIỂN MINH, VI MẠCH HUYẾT ƯƠNG

➤ Vi là khi ẩn khi hiện không rõ ràng

■ TẾ NHI TIỂU PHỦ, NHU MẠCH THẤP TRƯỞNG

➤ Nhu là mạch đi nhỏ, nhẹ.

■ TẾ NHI TIỂU TRẦM, NHƯỢC MẠCH THẤT DƯỠNG

➤ Thất dưỡng là thiếu bổ – thiếu dinh dưỡng.



MẠCH ĐẠİ

(KIM)

- Đạì chủ chủ THỤC, hình khoát dị TRI
- Dương mạch Vi bệnh, Tà thật khả TỰ
- Đạì nhi hữu lực, HỒNG mạch nhiệt từ
- Đạì nhi dũng phí, THỤC mạch TÀ TRÌ

▪ ĐẠI CHỦ CHƯ THỰC, HÌNH KHOÁT DỊ TRI

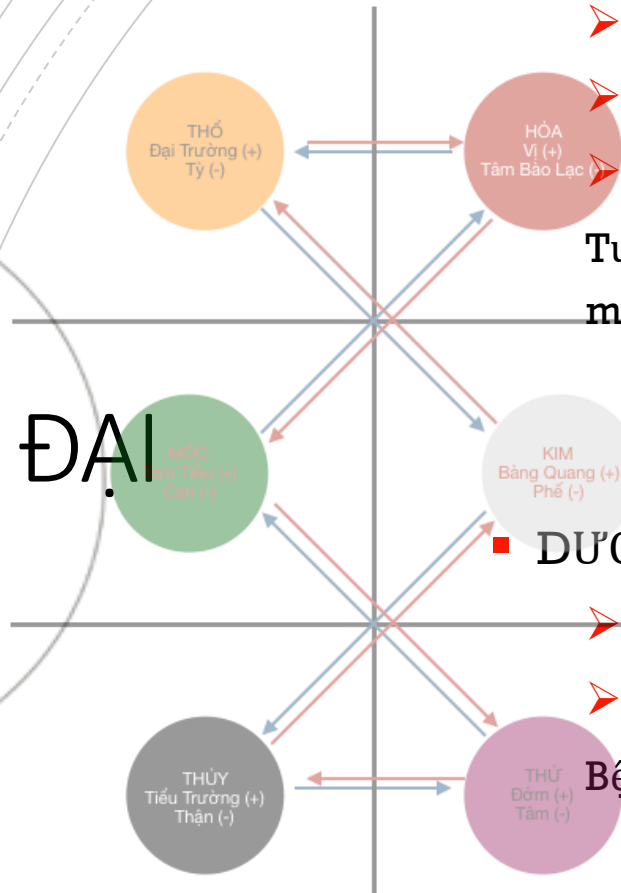
➤ Thực là thực sự

➤ Khoát là sáng khoái, mạnh mẽ

➤ Tri là biết rõ, dị là dễ dàng

Tượng mạch đi mạnh mẽ, dễ nhận thấy, để tay lên mà thấy mạch đi lớn mà rõ ràng thì đó là mạch ĐẠI.

MẠCH ĐẠI
(KIM)



▪ DƯƠNG MẠCH VI BỆNH, TÀ THẬT KHẢ TU

➤ KIM thuộc dương, vi bệnh – bệnh thuộc kinh dương.

➤ Tà thật khả thi – tà khí có thể dễ nhận thấy.

Bệnh thuộc dương, thuộc phủ, thuộc biểu.

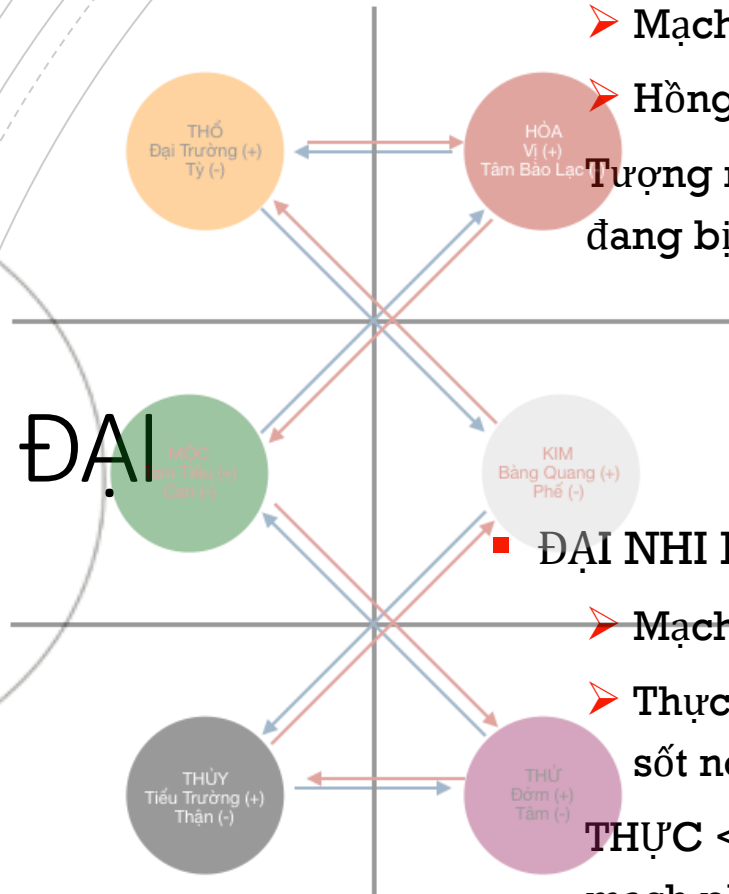
▪ **ĐẠI NHI HỮU LỰC, HỒNG MẠCH NHIỆT TỪ**

➤ Mạch đi lớn có lực – hữu lực

➤ Hồng mạch nhiệt từ – mạch nhanh mạnh NHIỆT

Tượng mạnh Hồng, nhanh và mạnh là biểu hiện người bệnh đang bị viêm nhiễm (sốt). Tượng mạch trong bộ PHỤ.

MẠCH ĐẠI
(KIM)



▪ **ĐẠI NHI DỮNG PHÍ, THỰC MẠCH TÀ TRÌ**

➤ Mạch dững phí là mạch như hữu lực

➤ Thực mạch tà trì là tà khí đã tấn công vào rồi. Người bệnh sốt nóng ở bên trong.

THỰC <> HỮ, mạch hữu lực mà rõ ràng hơn. Thực chỉ ở mạch phù nhưng Thực có ở cả mạch trầm.

MẠCH ĐOẢN MẠCH TRƯỜNG

- **MẠCH ĐOẢN**
 - Đoản chủ tổ thượng, bất do bệnh thương
 - Khi thấy mạch đoản, người không có bệnh mà do suy nhược mà ra (lao lực, tai nạn).
 - Mạch đi chỉ có lực ở một bộ duy nhất.
- **MẠCH TRƯỜNG**
 - Trường chủ tổ cường, đặc chi tối hãn
 - Khi thấy mạch này là mạch mạnh mẽ, dễ ra mồ hôi.
 - Mạch đi từ Thốn – Quan – Xích mạch thấy liên tục (mất lực một bộ thì không gọi là mạch trường).

NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH

Gốc bệnh từ đâu mà ra?

Thường thì khi cơ thể người ta mắc một bệnh gì đó là do một quá trình chuyển biến và đấu tranh lâu dài giữa yếu tố gây bệnh và yếu tố bảo vệ, cho tới khi yếu tố gây bệnh thắng yếu tố bảo vệ thì bệnh sẽ xảy ra.

ÂM – DƯƠNG
TẠNG – PHỦ
BIỂU – LÝ

ÂM	TỶ	PHẾ	THẬN	TÂM	CAN	TÂM BÀO LẠC
TẠNG						
LÝ						
DƯƠNG	VỊ	ĐẠI TRƯỜNG	BÀNG QUANG	TIỂU TRƯỜNG	ĐỒM	TAM TIÊU
PHỦ						
BIỂU						
HÀNH	THỔ	KIM	THỦY	THỬ	MỘC	HOẢ

THẤT TÌNH LỤC DỤC

THẤT TÌNH ĐỂ CHỈ 7 LOẠI “TÌNH CHÍ” (TÌNH CẢM – TINH THẦN) CÓ LIÊN QUAN MẬT THIẾT TỚI SỨC KHOẺ VÀ BỆNH TẬT

TRẠNG THÁI	HỖ	NỘ	ƯU	TƯ	BI	KHỦNG	KINH
BIỂU HIỆN	VUI VẺ	TỨC GIẬN	U SẦU	TƯ LỰ	ĐAU BUỒN	SỢ HÃI	KINH HÃI
TÁC ĐỘNG	TÂM	CAN	PHÉ	TỖ	PHÉ	THẬN	TÂM

THẤT TÌNH LỤC DỤC

THẤT TÌNH ĐỂ CHỈ 7 LOẠI “TÌNH CHÍ” (TÌNH CẢM – TINH THẦN) CÓ LIÊN QUAN MẬT THIẾT TỚI SỨC KHOẺ VÀ BỆNH TẬT

▪ THẤT TÌNH GỒM:

HỈ – NỘ - ƯU – TƯ – BI – KHỦNG – KINH

- ✓ Hỉ: Vui vẻ – sung sướng
- ✓ Nộ: Tức giận
- ✓ Ưu: U sầu – buồn bã
- ✓ Tư: Tư lự – lo nghĩ
- ✓ Bi: Đau buồn – đau thương
- ✓ Khủng: Sợ hãi
- ✓ Kinh: Kinh hãi – sửng sốt quá mức

THẤT TÌNH LỤC DỤC

THẤT TÌNH ĐỂ CHỈ 7 LOẠI “TÌNH CHÍ” (TÌNH CẢM – TINH THẦN) CÓ LIÊN QUAN MẬT THIẾT TỚI SỨC KHOẺ VÀ BỆNH TẬT

- **THẤT TÌNH** là phản ứng tâm lý có bản năng, nói chung ở mức vừa phải thì không có hại cho sức khỏe. Theo thuyết Âm – Dương, khi thất tình biến động thái quá và kéo dài thì gây bệnh do mất cân bằng Âm – Dương.
- Theo quan điểm “**HÌNH THẦN HỢP NHẤT**” thì hệ thống tạng phủ trong nhân thể không chỉ đảm nhiệm các chức năng sinh lý, mà còn chi phối các hoạt động tình chí. Mỗi loại tình chí sẽ thông ứng với một Tạng nhất định:
 - ✓ Kinh & Hỉ thông ứng tạng **TÂM**
 - ✓ Nộ thông ứng tạng **CAN**
 - ✓ Tư thông ứng tạng **TỠ**
 - ✓ Bi & Ưu thông ứng tạng **PHẾ**
 - ✓ Khủng thông ứng tạng **THẬN**

THẤT TÌNH LỤC DỤC

THẤT TÌNH ĐỂ CHỈ 7 LOẠI “TÌNH CHÍ” (TÌNH CẢM – TINH THẦN) CÓ LIÊN QUAN MẬT THIẾT TỚI SỨC KHOẺ VÀ BỆNH TẬT

- **THẤT TÌNH** nói một cách khác, tình chí là biểu hiện bên ngoài của hoạt động Tạng – Phủ, tựa “PHONG VŨ BIỂU” phản ánh tình trạng hoạt động của Tạng – Phủ bên trong cơ thể con người. Tạng – Phủ kiện toàn thì tinh thần sáng suốt, tâm trạng thoải mái. Và ngược lại, tình chí điều hoà, tâm trạng ổn định thì nội tạng cũng sẽ kiện toàn.

THẤT TÌNH LỤC DỤC

THẤT TÌNH ĐỂ CHỈ 7 LOẠI “TÌNH CHÍ” (TÌNH CẢM – TINH THẦN) CÓ LIÊN QUAN MẬT THIẾT TỚI SỨC KHOẺ VÀ BỆNH TẬT

- **THẤT TÌNH** gây bệnh, ngoài cường độ và thời gian tác động, còn phụ thuộc vào tính chất của từng loại:
- ✓ **Hỉ:** gây bệnh ít nhất
- ✓ **Nộ:** gây bệnh nặng nhất
- ✓ **Kinh & Khủng:** gây bệnh nhanh nhất
- ✓ **Ưu & Tư:** gây bệnh chậm nhưng rất khó chữa

KHÍ & HUYẾT

KHÍ

- Là thành phần cấu tạo nên cơ thể, là chất cơ bản duy trì sự sống con người, có tác dụng thúc đẩy khí huyết và công năng tạng phủ, kinh lạc hoạt động.
 - a. Khí bẩm thụ từ thiên nhiên thì gọi là khí tiên thiên, còn gọi là nguyên khí.
 - b. Khí được hoá sinh trong đồ ăn uống và thứ khí trời hít thở đều gọi là khí hậu thiên.

Có 4 loại khí: Nguyên khí – Tôn khí – Vinh khí – Vệ khí

HUYẾT

- Là thứ thể dịch sắc đỏ, theo đường mạch vận hành không ngừng trong cơ thể. Nguồn sinh ra huyết từ Tỳ-Vị ở trung tiêu, thức ăn được tỳ vị vận hoá thành chất tinh vi, vinh khí dồn vào mạch mà thành huyết, ngoài ra tinh còn do tinh tàng trữ từ thận sinh ra. Vì vậy huyết có quan hệ mật thiết với 3 tạng Tỳ – Phế – Thận.